|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**Số: /BC-BKHĐT | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 2024* |

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH VỀ THÀNH LẬP, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG QUỸ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ**

Kính gửi: Chính phủ

# **I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN**

## 1. Bối cảnh xây dựng chính sách

### **1.1. Việc hình thành thuế suất tối thiểu toàn cầu (“TTTC”)**

Từ cuối năm 2019, thế giới đã và đang chứng kiến những thay đổi nhanh chóng, phức tạp, khó lường và khó dự báo. Đại dịch Covid-19, khủng hoảng năng lượng, đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, căng thẳng địa chính trị, xung đột quân sự, thiên tai, biến đổi khí hậu, lạm phát diện rộng ở nhiều nền kinh tế lớn,… đang làm thay đổi cục diện thương mại và kinh tế thế giới. Các tác nhân này đã khiến triển vọng phát triển kinh tế và thu ngân sách của hầu hết các nước giảm mạnh.

Trong khi đó, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin và các mô hình kinh tế mới (kinh tế chia sẻ, kinh tế số...) đã và đang thay đổi kết cấu và bản chất của nền kinh tế toàn cầu. Các công ty đa quốc gia, thông qua các công cụ như các tài sản vô hình (bản quyền, bằng sáng chế, thương hiệu,…) hay các hoạt động kinh doanh qua nền tảng số xuyên quốc gia (mà không có sự hiện diện vật lý ở quốc gia đó) đã tận dụng cơ hội để tránh nghĩa vụ thuế thông qua chuyển lợi nhuận từ quốc gia có thuế suất cao sang quốc gia có thuế suất thấp, thực hiện các hoạt động chuyển giá... Các hoạt động trên đã gây xói mòn nghiêm trọng nguồn thu ngân sách của các quốc gia[[1]](#footnote-1), dẫn đến việc nhiều nước trên thế giới đơn phương áp dụng các loại thuế khác nhau, phát sinh bất đồng giữa các nước.

Việc hình thành các mức thuế suất khác biệt để tận dụng lợi thế toàn cầu hóa được nhiều nước thực hiện theo nhiều cách: ***(i)*** một số nước hạ thuế thu nhập doanh nghiệp xuống mức rất thấp (*Barbados 5,5%, Uzbekistan 7,5%, Hungary 9%, Macedonia 10%, Ireland 12,5%...*); ***(ii)*** các thiên đường thuế đưa ra mức thuế suất 0% (*Cayman Islands, Bermuda, Bahamas...*); ***(iii)*** Nhiều quốc gia, khu vực cũng chịu áp lực từ việc doanh nghiệp đe dọa rút vốn, chuyển trụ sở đăng ký kinh doanh dẫn đến buộc phải giảm thuế (*Hoa Kỳ giảm từ 35% năm 2017 xuống còn 21% năm 2021, khu vực sử dụng đồng Euro - Eurozone giảm từ 36,8% năm 1995 xuống còn 22,7% năm 2020*),... khiến thuế suất trung bình của doanh nghiệp trên toàn cầu giảm từ 27% năm 2001 xuống còn 20,2% và năm 2021.

Hạ thuế suất đã trở thành công cụ của các quốc gia trong cuộc cạnh tranh thu hút và giữ chân doanh nghiệp. Nhiều quốc gia tham gia vào “cuộc đua xuống đáy" nhằm giảm thuế suất thu nhập doanh nghiệp (TNDN) về mức thấp nhất để thu hút đầu tư nước ngoài (ĐTNN). Đối tượng hưởng lợi là các Tập đoàn đa quốc gia, mặc dù có lợi nhuận cao, nhưng phải nộp thuế TNDN rất thấp, thậm chí không bị đánh thuế; bên cạnh đó, vấn đề chuyển lợi nhuận (chuyển giá) của các công ty đa quốc gia cũng ngày càng trở nên phức tạp, với các công cụ và biện pháp tinh vi.

Trước hiện trạng trên, Diễn đàn “Hợp tác chung thực hiện các giải pháp chống xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận” (Diễn đàn IF) - OECD đã tổ chức quá trình đàm phán giữa 139 nước thành viên về biện pháp đảm bảo các công ty đa quốc gia tuân thủ nghĩa vụ thuế, giảm bớt căng thẳng giữa các nước, củng cố sự ổn định của hệ thống thuế toàn cầu.

Ngày 09/07/2021, Bộ trưởng Tài chính và Thống đốc Ngân hàng trung ương của Nhóm các nền kinh tế phát triển và mới nổi hàng đầu thế giới (G20) đã thống nhất về nguyên tắc *Giải pháp Hai trụ cột nhằm giải quyết các thách thức thuế quan phát sinh trong quá trình số hóa nền kinh tế* (gọi tắt là Thỏa thuận thuế TTTC), bao gồm: ***(1)*** Trụ cột thứ nhất là phân bổ thuế đối với hoạt động kỹ thuật số (phân bổ lại quyền đánh thuế đối với các công ty đa quốc gia giữa nơi đặt trụ sở chính và nơi hoạt động kinh doanh); ***(2)*** Trụ cột thứ hai đặt ra mức thuế doanh nghiệp tối thiểu toàn cầu 15% đối với các công ty đa quốc gia nhằm ngăn các công ty này chuyển lợi nhuận sang quốc gia có thuế suất thấp để tránh thuế.

Ngày 08/10/2021, Diễn đàn “Hợp tác toàn cầu về xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận” đã ban hành tuyên bố về Khung giải pháp Hai trụ cột để giải quyết các thách thức phát sinh từ nền kinh tế kỹ thuật số với sự đồng thuận của 136 nước thành viên (bao gồm Việt Nam).

Trụ cột 2 áp dụng với các công ty đa quốc gia (MNE) có doanh thu hợp nhất toàn cầu hàng năm từ 750 triệu EUR (tương đương khoảng 870 triệu USD) trong ít nhất 2 năm trong giai đoạn 4 năm liền kề trước năm soát xét. Hiện tại, các quốc gia thuộc Liên minh Châu Âu EU, Hàn Quốc, Nhật Bản và một số quốc gia khác đã chính thức áp dụng quy định về Thuế TTTC hiệu lực từ năm 2024. Một số quốc gia khác như Singapore, Thái Lan, Malaysia…dự kiến sẽ áp dụng chính sách này từ năm 2025.

Trụ cột 2 áp dụng ba nguyên tắc cốt lõi bao gồm (i) quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (Income Inclusion Rule – IIR), (ii) quy định về các khoản thanh toán chịu thuế dưới mức thuế suất tối thiểu toàn cầu (Undertaxed payment rule – UTPR), và (iii) quy định về quyền đánh thuế của nước nguồn (Subject to tax rule – STTR). Việc đưa ra các quy tắc đánh thuế của Trụ cột 2 nhằm đảm bảo rằng các công ty đa quốc gia thuộc phạm vi áp dụng sẽ phải nộp thuế tối thiểu 15% tại bất kỳ quốc gia nào nơi tập đoàn đó hoạt động.

### **1.2. Việc áp dụng chính sách thuế TTTC tại Việt Nam**

Tại Việt Nam, sau thời gian nghiên cứu, Chính phủ đã xây dựng và đề xuất Dự thảo Nghị quyết về áp dụng thuế Thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế TTTC tại Việt Nam, trình Quốc hội phê duyệt tại Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV. Ngày 29/11/2023, Quốc hội đã chính thức thông qua và ban hành Nghị quyết số 107/2023/QH15 về việc áp dụng Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ thuế toàn cầu. Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2024, áp dụng từ năm tài chính 2024.

Theo Nghị quyết số 107/2023/QH15, Việt Nam sẽ áp dụng các quy định (i) Quy định về thuế TNDN bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (QDMTT) và (ii) Quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (IIR).

**1.3. Chủ trương xây dựng chính sách về Quỹ hỗ trợ đầu tư**

Song song với việc ban hành Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29/11/2023 về việc áp dụng thuế TTTC tại Việt Nam từ 01/01/2024, tại Nghị quyết Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023, Quốc hội đã đồng ý chủ trương, giao Chính phủ trong năm 2024 xây dựng dự thảo Nghị định về việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư từ nguồn thu thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu và các nguồn hợp pháp khác để ổn định môi trường đầu tư, khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia và hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước đối với một số lĩnh vực cần khuyến khích đầu tư, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi ban hành.

### **1.4. Nhận xét**

***1.4.1***. Việc Việt Nam chính thức áp dụng chính sách về Thuế TTTC từ ngày 01/01/2024 theo Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29/11/2023 sẽ có tác động lớn trên phương diện thuế cũng như môi trường đầu tư. Một mặt, Việt Nam có cơ hội thu được phần thuế bổ sung thông qua hai quy định về QDMTT áp dụng đối với các công ty thành viên của các công ty đa quốc gia hoạt động tại Việt Nam, cũng như quy định IIR đối với các Tập đoàn Việt Nam có đầu tư ra nước ngoài thuộc phạm vi áp dụng. Mặt khác, các chính sách ưu đãi thuế TNDN như miễn giảm thuế, thuế suất ưu đãi đối với các đối tượng này sẽ mất đi tác dụng và trở nên không còn hấp dẫn. Theo đó, việc xây dựng chính sách về Quỹ hỗ trợ đầu tư để đưa ra các chính sách hỗ trợ đầu tư mới, phù hợp với quy tắc của OECD là rất cần thiết để Việt Nam có thể đảm bảo vị thế cạnh tranh trong thu hút đầu tư, cũng như ổn định môi trường đầu tư để tiếp tục khuyến khích các nhà đầu tư hiện hữu duy trì và mở rộng hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam.

***1.4.2***. Về tinh thần của Quỹ hỗ trợ đầu tư, theo nguyên tắc, ưu đãi hỗ trợ đầu tư phải gắn liền với xu hướng phát triển về kinh tế, xã hội, công nghệ, khuyến khích đầu tư để giải quyết các bài toán thực tiễn; đủ cấp tiến để bắt kịp với xu thế mới trên toàn cầu nhằm tăng tính cạnh tranh của Việt Nam trong thu hút đầu tư, nhưng cũng cần phải phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của đất nước.

***1.4.3.*** Xu thế mới trên thế giới hiện nay là thu hút đầu tư các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghệ lõi có giá trị gia tăng lớn hoặc nâng cao vị thế quốc gia (điện tử, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo…); và phát triển xanh, bền vững (công nghiệp hydrogen xanh, phương tiện giao thông sử dụng điện…).

Hiện nay, nhiều quốc gia đang đang chạy đua quyết liệt và thiết kế chính sách riêng để theo kịp xu thế trên. Theo đó, các quốc gia đang áp dụng nhiều chính sách ưu đãi đầu tư đa dạng; áp dụng song song cả ưu đãi về thu nhập (*miễn, giảm thuế*) và ưu đãi về chi phí (*hỗ trợ bằng tiền, trợ cấp đầu tư*) để kết hợp hiệu quả, tạo sức hấp dẫn đối với nhà đầu tư. Trong đó, ưu đãi dựa trên chi phí thường được sử dụng để góp phần thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực ưu tiên. Thực tế, việc hỗ trợ bằng tiền, trợ cấp đầu tư sẽ không chi trả ngay cho doanh nghiệp mà sẽ căn cứ theo kết quả triển khai thực hiện dự án (tiến độ giải ngân, doanh thu,…) và được phân bổ cho các loại chi phí mà doanh nghiệp đã thực hiện kèm theo các điều kiện nhất định[[2]](#footnote-2). Với chính sách ưu đãi linh hoạt, nhiều nước đã thu hút được các dự án có quy mô rất lớn trong lĩnh vực công nghệ cao.

***1.4.4.*** Việt Nam đã và đang hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, tham gia nhiều tổ chức quốc tế và khu vực, ký kết các hiệp định song phương và đa phương, do vậy, việc thực hiện chính sách cải cách thuế toàn cầu như Trụ cột 2 thuế TTTC là không tránh khỏi. Đồng thời, ngay cả khi việc thực thi quy tắc sẽ dẫn đến nhiều khó khăn, thách thức, Việt Nam không thể yêu cầu các quốc gia khác, đặc biệt là các đối tác đầu tư lớn của mình không tham gia quy tắc; mà trái lại, đây là cơ hội Việt Nam xem xét, đánh giá, nghiên cứu và hoàn thiện chính sách ưu đãi đầu tư nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động ĐTNN.

Chính sách ưu đãi đầu tư của Việt Nam về cơ bản đã bám sát tình hình phát triển kinh tế xã hội của đất nước, liên tục hoàn thiện trong hơn 30 năm qua, góp phần quan trọng trong khuyến khích đầu tư trong nước và thu hút đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, chính sách ưu đãi đầu tư của Việt Nam chưa tương thích với bối cảnh mới, cụ thể như sau:

(i) *Chưa đa dạng*, chỉ phụ thuộc vào các hình thức ưu đãi dựa trên thu nhập (miễn, giảm thuế); ưu đãi về tiền thuê đất, hầu như chưa có các hình thức ưu đãi dựa trên chi phí; do đó đang giảm dần tính cạnh tranh trong thu hút đầu tư và chưa khuyến khích các hoạt động đầu tư lâu dài.

(ii) *Chưa bắt kịp với các chính sách tiên tiến, thông lệ quốc tế*; chưa phù hợp với yêu cầu trong bối cảnh quốc tế có nhiều thay đổi, đặc biệt với việc ra đời của chính sách Thuế TTTC.

(iii) *Pháp luật về ngân sách chưa có quy định về chi ngân sách* cho các hình thức hỗ trợ đầu tư được quy định tại Luật Đầu tư nên chính sách trên chưa áp dụng được trên thực tế.

Điều này dẫn đến, trong thời gian vừa qua, có nhiều tập đoàn lớn đã đến khảo sát, nghiên cứu đầu tư tại Việt Nam, nhưng do pháp luật chưa có quy định cụ thể về hỗ trợ đầu tư từ ngân sách nhà nước nên họ đã chuyển sang quốc gia khác (LG Chemical đề xuất dự án sản xuất pin với đề nghị VN hỗ trợ 30% chi phí sản xuất (tiền mặt), sau đó đã chuyển sang Indonesia; Intel đề xuất dự án sản xuất chip với vốn đầu tư 3,3 tỷ USD, đề xuất Việt Nam hỗ trợ 15% bằng tiền, sau đó đã chuyển sang Ba Lan; Tập đoàn bán dẫn AT&S của Áo, vào khảo sát, dự kiến đầu tư, nhưng Việt Nam không đáp ứng được về: (i) cơ chế hỗ trợ theo chi phí; (ii) số lượng lao động công nghệ cao có sẵn; do đó đã chuyển sang Malaysia…).

Ngoài ra, việc mở rộng đầu tư của một số dự án công nghệ cao có quy mô lớn cũng có dấu hiệu chững lại để chờ phản ứng chính sách của Việt Nam. Thời gian vừa qua, một số tập đoàn lớn đã có trao đổi chính thức về việc đang tạm dừng kế hoạch đầu tư mới, mở rộng tại Việt Nam nếu Chính phủ Việt Nam không có chính sách hỗ trợ đầu tư phù hợp khi áp dụng thuế TTTC *(Samsung cho biết sẽ dịch chuyển dây chuyền sản xuất sang Ấn Độ; LG đang tạm dừng kế hoạch đầu tư dự án mới sản xuất thiết bị điện tử trị giá 5 tỷ USD; SMC (Nhật Bản) đang dự kiến đầu tư sản xuất thiết bị y tế trị giá 500 triệu - 1 tỷ USD tại Đồng Nai; Foxconn, Compal, Quanta (Đài Loan): đang nghiên cứu mở rộng đầu tư các thiết bị phụ trợ cho Apple, IBM, Sisco)*.

Trước mắt, cần giải pháp cấp bách để ứng phó với ảnh hưởng thuế TTTC; ngăn làn sóng dịch chuyển đầu tư ra khỏi Việt Nam của một nhóm các nhà đầu tư lớn (có thể kéo theo nhiều các công ty vệ tinh đi theo) có vai trò quan trọng trong nền kinh tế.

***1.4.5.*** Các nhà đầu tư, đặc biệt là các công ty đa quốc gia đầu tư dự án mới cũng như mở rộng tại Việt Nam một phần chủ yếu là do sự ổn định của môi trường đầu tư cũng như cam kết về chính sách bảo đảm đầu tư kinh doanh trong trường hợp thay đổi luật pháp chính sách. Việc Việt Nam không có các giải pháp kịp thời đồng hành cùng doanh nghiệp sẽ ảnh hưởng đến quyết định đầu tư mở rộng hoặc duy trì đầu tư của các công ty đa quốc gia đang hoạt động tại Việt Nam và kéo theo sự sụt giảm việc thu hút các công ty vệ tinh khác; đồng thời giảm động lực đầu tư của các nhà đầu tư mới đang có kế hoạch đầu tư vào Việt Nam. Bên cạnh đó, có thể dẫn đến việc thu hẹp quy mô sản xuất, giảm cầu về lao động.

***1.4.6.*** Trong trường hợp Việt Nam không có động thái điều chỉnh chính sách ưu đãi đầu tư và cơ chế thực hiện phù hợp thì việc áp dụng chính sách thuế suất tối thiểu toàn cầu sẽ làm giảm hiệu quả của chính sách ưu đãi thuế TNDN của Việt Nam; không còn hấp dẫn để giữ chân hoặc thu hút thêm vốn đầu tư mới từ các tập đoàn đa quốc gia tại Việt Nam; từ đó, ảnh hưởng đến vị thế cạnh tranh của Việt Nam so với các nước trong khu vực, cũng như ảnh hưởng đến việc thu hút nguồn vốn ĐTNN có chọn lọc, chất lượng cao.

***1.4.7.*** Ngoài ra, nếu chính sách ưu đãi thuế hiện tại bị thay đổi bởi cơ chế thuế suất tối thiểu toàn cầu thì một mặt, Chính phủ phải đối diện với các cam kết về bảo hộ đầu tư cho các nhà đầu tư hiện đang sản xuất kinh doanh tại Việt Nam vẫn còn đang trong thời kỳ ưu đãi đầu tư; mặt khác là phải sửa đổi, ban hành các cơ chế ưu đãi để tiếp tục cạnh tranh với các nước trong khu vực để duy trì và thu hút vốn ĐTNN. Do đó, quyết định đầu tư của các doanh nghiệp, nhà ĐTNN sẽ phụ thuộc vào các yếu tố phi-thuế (Non-taxation) trong thời gian tới.

## 2. MỤC TIÊU XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH

### **2.1. Mục tiêu tổng thể**

a) Phù hợp với Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 và Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021 - 2030.

b) Phù hợp với Nghị quyết số 110/2023/QH15 Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV ngày 29 tháng 11 năm 2023 về việc đồng ý chủ trương, giao Chính phủ trong năm 2024 xây dựng dự thảo Nghị định về việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư từ nguồn thu thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu và các nguồn hợp pháp khác để ổn định môi trường đầu tư, khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia và hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước đối với một số lĩnh vực cần khuyến khích đầu tư.

c) Phù hợp với Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 10 tháng 10 năm 2023 về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới.

d) Phù hợp với Nghị quyết 29/NQ-TW ngày 17/11/2022 Hội nghị lần thứ 6 BCHTW Đảng khóa XVIII về việc tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

đ) Đảm bảo lợi ích hài hòa giữa nhà đầu tư và nhà nước trên cơ sở: (i) phù hợp với các quy tắc của OECD; (ii) không vi phạm các cam kết quốc tế; và (iii) phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

### **2.2. Mục tiêu cụ thể**

a) Đảm bảo sức cạnh tranh và hấp dẫn của môi trường đầu tư Việt Nam;

b) Có tính chọn lọc, phù hợp với định hướng thu hút đầu tư và phát triển ngành, lĩnh vực, trong đó tập trung ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, có giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu;

c) Có hiệu quả trong việc phát triển một số doanh nghiệp lớn trong nước có vai trò dẫn dắt trong các ngành, lĩnh vực then chốt, trọng yếu, có vị thế quan trọng trong chuỗi giá trị công nghiệp, có năng lực cạnh tranh quốc tế trong các ngành công nghiệp nền tảng, ưu tiên, mũi nhọn;

d) Tác động tối thiểu đến ngân sách nhà nước;

đ) Ứng xử bình đẳng giữa các doanh nghiệp, hài hoà cho các đối tượng áp dụng, bao gồm doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng thuế TTTC, nhà đầu tư mới (bao gồm cả nhà đầu tư trong nước và nước ngoài);

e) Phù hợp với quy tắc thuế TTTC thuộc Trụ cột 2 và hướng dẫn của OECD; không vi phạm các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

g) Đảm bảo tính khả thi, dễ thực hiện.

# **II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

## 1.Xác định vấn đề bất cập:

***1.1 Về pháp lý:***

**(1)** Chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư của Việt Nam được quy định tại Chương III Luật Đầu tư 2020 và Chương III Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. Mức ưu đãi cụ thể đối với từng loại ưu đãi đầu tư áp dụng theo quy định của pháp luật về thuế, kế toán và đất đai.

**(2)** Hình thức ưu đãi đầu tư là miễn, giảm thuế, áp dụng theo tiêu chí lĩnh vực, địa bàn và các đối tượng mà Nhà nước khuyến khích phát triển. Các ưu đãi này đang được đánh giá là có tính cạnh tranh trong khu vực.

*(Chi tiết tham khảo tại Phụ lục kèm theo)*

**(3)** Các hình thức hỗ trợ đầu tư[[3]](#footnote-3)bao gồm: (i) Hỗ trợ phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào dự án đầu tư; (ii) Hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; (iii) Hỗ trợ tín dụng; (iv) Hỗ trợ tiếp cận mặt bằng sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ cơ sở sản xuất, kinh doanh di dời theo quyết định của cơ quan nhà nước; (v) Hỗ trợ khoa học, kỹ thuật, chuyển giao công nghệ; (vi) Hỗ trợ phát triển thị trường, cung cấp thông tin; (vii) Hỗ trợ nghiên cứu và phát triển.

Khoản 2 Điều 18 Luật Đầu tư quy định: *“Căn cứ định hướng phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách nhà nước trong từng thời kỳ, Chính phủ quy định chi tiết các hình thức hỗ trợ đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này[[4]](#footnote-4) đối với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, doanh nghiệp đầu tư vào giáo dục, phổ biến pháp luật và các đối tượng khác.”*

So với các nước trong khu vực và trên thế giới, các hình thức hỗ trợ đầu tư tại Việt Nam được quy định tương đối đầy đủ tại Luật Đầu tư. Tuy nhiên, thực tế hiện nay, *việc triển khai áp dụng hỗ trợ đầu tư còn nhiều khó khăn và chưa khả thi,* do chưa có sự thống nhất giữa các quy định pháp luật. Cụ thể, pháp luật về ngân sách *chưa có quy định cụ thể về việc chi ngân sách* cho các hỗ trợ đầu tư quy định tại Điều 18 Luật Đầu tư.

Bên cạnh đó, để đem lại lợi thế cạnh tranh, một số quốc gia trên thế giới hiện đang áp dụng hình thức hỗ trợ đầu tư mới được các nhà đầu tư quan tâm và đánh giá cao (cụ thể: hỗ trợ dựa trên chi phí đầu tư, hỗ trợ về chi phí sản xuất sản phẩm ưu tiên và hỗ trợ về chi phí nghiên cứu và phát triển[[5]](#footnote-5)). Tuy nhiên, các hình thức hỗ trợ đầu tư dựa trên chi phí đầu tư và chi phí sản xuất sản phẩm ưu tiên này chưa được pháp luật Việt Nam quy định.

## 1.2 Về ảnh hưởng của thuế TTTC

*(1)* Thuế TTTC (Trụ cột 2) là sự thay đổi căn bản về cấu trúc thuế quốc tế, được thiết kế nhằm hạn chế việc giảm chuyển dịch lợi nhuận và cạnh tranh về thuế của các tập đoàn đa quốc gia và cạnh tranh “xuống đáy” về thuế của các quốc gia. Như đã báo cáo ở trên, trong khi các nước phát triển đang khẩn trương và chủ động áp dụng quy tắc này thì các nước đang phát triển đang cân nhắc kỹ lưỡng bài toán tăng nguồn thu (thông qua áp dụng cơ chế thuế tối thiểu nội địa bổ sung đạt chuẩn - QDMTT) nhưng vẫn phải đảm bảo tiếp tục cạnh tranh thu hút đầu tư (thông qua việc ban hành các hình thức ưu đãi mới phù hợp).

*(2)*Hiện nay, chính sách ưu đãi về tài chính của Việt Nam tập trung vào 03 lĩnh vực: ***(i)*** Ưu đãi về thuế TNDN, ***(ii)*** Ưu đãi về thuế xuất nhập khẩu và ***(iii)*** Ưu đãi về tài chính đất đai. Trong đó, ưu đãi về thuế TNDN sẽ chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các quy tắc tính thuế bổ sung thuế TTTC.

Chính sách ưu đãi thuế thu nhập gồm ưu đãi về thuế suất và ưu đãi về thời gian miễn, giảm thuế, trong đó gói ưu đãi thuế TNDN cao nổi bật đối với một dự án gồm: thuế suất 10% trong 15 năm, miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Về cơ bản, điều kiện để được hưởng ưu đãi thuế là phải đáp ứng tiêu chí về địa bàn ưu đãi, lĩnh vực ưu đãi, hoặc có quy mô lớn dựa trên vốn đầu tư kèm điều kiện về thời gian giải ngân, doanh thu hoặc lao động sử dụng.

Đặc biệt, năm 2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg quy định về ưu đãi đầu tư đặc biệt đối với các dự án đầu tư có tác động lớn đến phát triển kinh tế xã hội, trong đó bao gồm các dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 10.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm sẽ được hưởng mức ưu đãi thuế TNDN tối đa là miễn thuế 6 năm, giảm 50% số thuế trong 13 năm, và thuế suất ưu đãi 5% trong 37 năm, tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của dự án.

Theo Nghị quyết 107/2023/QH15, Việt Nam đã chính thức áp dụng Trụ cột 2 với mức thuế TTTC 15% từ ngày 01/01/2024, theo đó **ưu đãi** thuế TNDN đang áp dụng tại Việt Nam **sẽ không còn ý nghĩa**; dẫn đến Việt Nam sẽ không còn cạnh tranh trong thu hút, giữ chân các doanh nghiệp thuộc đối tượng này[[6]](#footnote-6).

*(3)* Bên cạnh phương án trợ cấp bằng tiền, một số phương án khác có thể được cân nhắc như: áp dụng thuế suất thuế ưu đãi với mức 15% suốt đời dự án; khấu trừ thêm chi phí, hoặc ưu đãi các loại thuế khác (giảm thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân…). Tuy nhiên, các phương án này sẽ không mang lại hiệu quả cao trong bối cảnh áp dụng Trụ cột 2 do việc áp dụng thuế TTTC sẽ tác động trực tiếp đến phương án tài chính của doanh nghiệp đang hưởng ưu đãi theo thu nhập tại Việt Nam; đồng thời, số doanh nghiệp loại này tương đối nhiều, trong số đó nhiều doanh nghiệp có quy mô vốn đầu tư và lợi nhuận lớn (hàng tỷ đô la Mỹ). Trong khi đó, phương án ưu đãi các loại thuế khác là không đáng kể đối với tác động tài chính của thuế bổ sung theo cơ chế thuế TTTC.

Các hình thức như tăng mức chi phí được trừ khi tính thu nhập chịu thuế cũng sẽ không có tác dụng hỗ trợ thiết thực cho doanh nghiệp do về bản chất sẽ tác động vào thu nhập của doanh nghiệp và khi đó sẽ phát sinh thêm thuế phải nộp bổ sung theo công thức tính toán thuế suất hiệu quả (ETR) của thuế TTTC.

*(4) Ảnh hưởng đến mục tiêu thu hút vốn ĐTNN*

Bên cạnh khả năng cải thiện các nguồn thu thuế từ các công ty công nghệ đa quốc gia có doanh thu lớn (các BigTech như: Netflix, Facebook, Google và các nền tảng thương mại điện tử khác), việc tham gia thỏa thuận thuế doanh nghiệp tối thiểu toàn cầu khi được áp dụng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến dòng vốn FDI toàn cầu, trong đó các nước thu hút FDI thông qua các ưu đãi thuế như Việt Nam sẽ gặp nhiều khó khăn hơn. Mục tiêu thu hút vốn ĐTNN đầy tham vọng sẽ gặp thách thức rất lớn (giai đoạn 2021-2025 khoảng 150 - 200 tỉ USD, 30 - 40 tỉ USD/năm; giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 200 - 300 tỉ USD, 40 - 50 tỉ USD/năm)[[7]](#footnote-7).

Đặc biệt, nền kinh tế toàn cầu đang đứng trước nhiều thách thức nhanh chóng, khó lường. Tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2023 chỉ đạt 2,9%, thấp hơn đáng kể so với mức 3,4% ước tính của năm 2022. OECD cũng đưa ra dự báo kinh tế thế giới năm 2024 sẽ tăng trưởng chậm hơn 2023 với các nguy cơ về việc lan rộng các cuộc xung đột tại khu vực Trung Đông, gia tăng lạm phát. Dòng vốn ĐTNN trên toàn cầu trong năm 2023 mặc dù tăng trưởng nhưng vẫn đối mặt với sự bất ổn của nền kinh tế cũng như thách thức về lãi suất tăng cao.

### *(5) Tác động đến kế hoạch mở rộng đầu tư của các dự án hiện hữu*

Việc mở rộng đầu tư của các dự án hiện hữu cũng có nguy cơ giảm sút(trong khi Việt Nam đặt mục tiêu vốn thực hiện 20 - 30 tỉ USD/năm cho giai đoạn 2021 - 2025; 30 - 40 tỉ USD/năm cho giai đoạn 2026 - 2030). Nguyên nhân do rất nhiều dự án quy mô lớn đang thuộc ngành công nghệ cao, ngành ưu đãi đầu tư với mức thuế suất thấp hơn 15%. Khi áp dụng mức thuế TTTC là 15% chính thức từ năm tài chính 2024, thì những lợi ích mang lại từ chính sách ưu đãi thuế mà các công ty này được hưởng tại Việt Nam sẽ không còn nữa, từ đó ảnh hưởng đến tính hấp dẫn của thị trường Việt Nam trong thu hút ĐTNN.

### *(6) Niềm tin của các nhà đầu tư giảm sút*

Việc giữ nguyên ưu đãi cho các dự án đã cấp trước đó[[8]](#footnote-8), về nguyên tắc sẽ không ảnh hưởng đến cam kết của Việt Nam với nhà đầu tư; nhưng *nếu không có giải pháp, thì mức ưu đãi này sẽ là vô nghĩa* với họ (*vì vẫn phải nộp mức chênh lệch tại quốc gia đặt trụ sở*). Qua đó, ảnh hưởng đến mức độ “thiện chí đồng hành” của Việt Nam với cộng đồng nhà đầu tư, dễ bị gắn với hình ảnh “đem con bỏ chợ”.

### *(7)* *Gia tăng áp lực đối với công tác quản lý nhà nước về đầu tư nước ngoài*

Công tác quản lý nhà nước về đầu tư nước ngoài, đặc biệt trong công tác thu thuế đối với các công ty đa quốc gia trước mắt sẽ có những khó khăn do: ***(i)*** yêu cầu phải có hệ thống hành lang pháp lý hoàn chỉnh, nguồn nhân lực và hạ tầng công nghệ phát triển để có thể rà soát, bóc tách từng giao dịch, xác định chính xác, đầy đủ từng loại doanh thu, lợi nhuận của các công ty đa quốc gia; ***(ii)*** việc kết nối hệ thống cơ sở dữ liệu, thu thập, trao đổi thông tin giữa các cơ quan chức năng trong và ngoài nước phục vụ công tác quản lý thuế các công ty đa quốc gia còn hạn chế; ***(iii)*** mức độ hoàn thiện các quy trình quản lý chưa được đồng bộ, mức độ liên kết và tích hợp giữa các quy trình nghiệp vụ chưa cao do chưa có mô hình tổng thể tái thiết kế các quy trình nghiệp vụ theo luồng công việc gắn kết với ứng dụng công nghệ thông tin; ***(iv)*** chất lượng nguồn nhân lực, các phương pháp, kỹ năng thanh tra, kiểm tra chưa theo kịp với sự phát triển nhanh chóng của các công ty đa quốc gia và các mô hình kinh doanh mới[[9]](#footnote-9).

## 2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Để ứng phó với ảnh hưởng của thuế TTTC, đồng thời thực hiện chủ trương thu hút đầu tư có chọn lọc theo định hướng của Bộ Chính trị thì cần phải có ngay giải pháp cấp bách để nhằm giải quyết các bài toán sau:

***(i) Giữ chân và tạo sự yên tâm cho các nhà đầu tư lớn đang đầu tư vào các dự án trong lĩnh vực công nghệ cao tại Việt Nam***

Do bối cảnh thuế TTTC, các ưu đãi miễn, giảm thuế hiện tại của nhà đầu tư lớn không còn hiệu quả, làm giảm tính hấp dẫn môi trường đầu tư tại Việt Nam, trong đó có các nhà đầu tư “đại bàng” đang đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao.

Mặc dù số lượng các doanh nghiệp này không nhiều nhưng có tác động về kinh tế-xã hội lớn, có mạng lưới doanh nghiệp phụ trợ đi kèm lên đến hàng trăm doanh nghiệp. Do đó, nếu không có chính sách giữ chân nhóm nhà đầu tư này thì sẽ tác động đáng kể đến môi trường đầu tư kinh doanh và vị thế cạnh tranh của Việt Nam trong khu vực, thế giới, cũng như trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Do đó, việc ban hành chính sách là hết sức cấp bách để không gây xáo trộn quá lớn đối với môi trường đầu tư kinh doanh khi áp dụng thuế TTTC, tạo sự yên tâm cho các nhà đầu tư duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư mở rộng tại Việt Nam. Chính sách này cần ban hành có hiệu lực ngay từ năm tài chính 2024, cùng thời điểm với chính sách áp dụng thuế TTTC.

***(ii) Tiếp tục thu hút các nhà đầu tư chiến lược mới đầu tư vào lĩnh vực công nghệ cao, chuyển đổi xanh***

Bối cảnh thế giới hiện tại có nhiều xu hướng đầu tư mới vào các lĩnh vực có giá trị gia tăng rất cao như chip, bán dẫn… Việt Nam cũng không đứng ngoài cuộc chơi đó, mà cần phải tận dụng cơ hội hiện tại, thông qua các biện pháp ngoại giao kinh tế được đẩy mạnh trong suốt thời gian qua để thu hút được các dự án đầu tư trong những lĩnh vực ưu tiên này về Việt Nam.

Để thu hút các nhà đầu tư mới, thì cần chính sách ưu đãi đột phá, cùng với nguồn ngân sách để thực hiện. Theo đó, tận dụng cơ hội nguồn thu bổ sung từ thuế TTTC để làm nguồn ngân sách thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư với các chính sách tiên tiến, trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm quốc tế, nhằm thu hút các dự án trên về Việt Nam.

***(iii) Phát triển doanh nghiệp Việt Nam dẫn dắt tiên phong***

Bên cạnh các chính sách hỗ trợ nhằm tiếp tục khuyến khích, thu hút đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao, chuyển đổi xanh, Việt Nam cũng cần các chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư mới nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế của các doanh nghiệp nội địa, góp phần phát triển các doanh nghiệp đạt tầm khu vực và thế giới, phát huy vai trò dẫn dắt trong các ngành, lĩnh vực then chốt.

### **3. Các giải pháp giải quyết vấn đề**

***a) Giải pháp 1:*** giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư mới

***b) Giải pháp 2:*** xây dựng Quỹ hỗ trợ đầu tư và các chính sách ưu đãi đầu tư đối với lĩnh vực công nghệ cao, chuyển đổi xanh và phát triển doanh nghiệp Việt Nam dẫn dắt, cụ thể:

**3.1. Về Quỹ hỗ trợ đầu tư**

*(1) Địa vị pháp lý của Quỹ:* là quỹ tài chính nhà nước, được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước và các ngân hàng thương mại hợp pháp.

*(2) Ngân sách hoạt động*: (i) nguồn ngân sách nhà nước cấp hằng năm (bao gồm nguồn thu thuế bổ sung từ thuế TTTC và nguồn ngân sách nhà nước khác), (ii) các nguồn ngoài ngân sách (lãi tiền gửi, thu từ hoạt động sự nghiệp phù hợp, các khoản đóng góp tài trợ, nguồn tồn dư Quỹ hàng năm….)

*(3) Phương thức hỗ trợ của Quỹ*: chi trực tiếp bằng tiền để hỗ trợ doanh nghiệp đạt tiêu chí, bao gồm (i) hỗ trợ chi phí đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, (ii) Hỗ trợ chi phí nghiên cứu và phát triển, (iii) hỗ trợ chi phí đầu tư tạo tài sản cố định, (iv) hỗ trợ chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao, (v) Hỗ trợ chi phí đầu tư hệ thống công trình hạ tầng xã hội.

Khoản hỗ trợ đầu tư từ Quỹ mà doanh nghiệp được nhận không tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

*(4) Mô hình hoạt động và các nội dung khác:* nghiên cứu xây dựng theo hướng phản ánh được các tính đặc thù của Quỹ, đảm bảo tính khả thi khi thực hiện.

**3.2 Chính sách hỗ trợ đầu tư đối với đầu tư trong nước trong lĩnh vực công nghệ cao, chuyển đổi xanh và doanh nghiệp Việt Nam dẫn dắt, tiên phong**

*(1) Đối tượng hỗ trợ đầu tư:* (i) doanh nghiệp có dự án đầu tư trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm công nghệ cao; (ii) doanh nghiệp công nghệ cao; (iii) doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao; (iv) doanh nghiệp có dự án đầu tư trung tâm nghiên cứu và phát triển; (v) doanh nghiệp có dự án thuộc Danh mục dự án xanh/tăng trưởng xanh trọng điểm; (vi) doanh nghiệp Việt Nam dẫn dắt, tiên phong.

*(2)**Tiêu chí hưởng hỗ trợ đầu tư:* (i) doanh nghiệp thuộc đối tượng i, ii, iii tại mục (1) nêu trên có dự án đạt quy mô vốn đầu tư từ 12.000 tỷ đồng hoặc đạt doanh thu từ 20.000 tỷ đồng/năm; (ii) doanh nghiệp thuộc đối tượng (iv) tại mục (1) nêu trên có dự án đạt quy mô vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng. Đồng thời các doanh nghiệp này phải không có các khoản nợ thuế, nợ ngân sách nhà nước quá hạn tại thời điểm nộp hồ sơ và đáp ứng các tiêu chí về giải ngân.

*(3) Nguyên tắc hỗ trợ đầu tư:*

(i) Hỗ trợ đầu tư được áp dụng bình đẳng cho các doanh nghiệp có các dự án đầu tư mới và dự án đầu tư đang hoạt động, đầu tư mở rộng thuộc đối tượng nêu trên.

(ii) Hỗ trợ đầu tư được tính theo chi phí thực tế phát sinh từng năm của doanh nghiệp và trên cơ sở kết quả thực hiện dự án của doanh nghiệp trong năm đó. Doanh nghiệp chỉ được nhận hỗ trợ sau khi đáp ứng các điều kiện về đối tượng, tiêu chí, tiến độ giải ngân vốn đầu tư của dự án thuộc diện hỗ trợ đầu tư theo Nghị định này.

(iii) Các khoản chi hỗ trợ đầu tư được căn cứ dựa trên khả năng cân đối ngân sách nhà nước trong từng thời kỳ.

*(5) Mức hỗ trợ đầu tư:* Mức hỗ trợ đầu tư được thiết kế theo từng loại chi phí, được chia theo các mức phù hợp với quy mô đầu tư và các điều kiện đạt được về nhân lực, tỷ lệ giá trị gia tăng, phù hợp quy định tại Việt Nam cũng như thông lệ quốc tế và khả năng cân đối của Quỹ. Các chi phí được hưởng hỗ trợ là các chi phí phục vụ đầu tư thực chất, có lợi cho Việt Nam.

*(6) Nội dung thẩm định hỗ trợ đầu tư*

Nội dung thẩm định hỗ trợ đầu tư bao gồm (i) đánh giá sự phù hợp với tiêu chí và điều kiện của đối tượng được hưởng hỗ trợ, (ii) đánh giá sự phù hợp với các nguyên tắc ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, (iii) đánh giá sơ bộ về hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh; hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, (iv) Đánh giá tiêu chí đáp ứng các điều kiện để xác định mức hỗ trợ đầu tư, (v) đánh giá sự phù hợp của các hình thức hỗ trợ và chi phí hỗ trợ mà doanh nghiệp đề xuất.

 **4. Đánh giá tác động của các giải pháp**

### ***Giải pháp 1***

Trong trường hợp Việt Nam không có động thái điều chỉnh chính sách ưu đãi đầu tư và cơ chế thực hiện phù hợp thì việc áp dụng chính sách thuế suất tối thiểu toàn cầu sẽ làm ảnh hưởng đến quá trình thu hút, quản lý đầu tư nước ngoài tại Việt Nam như đã phân tích tại phần I.3 và II.2.2 nêu trên.

***(1) Tác động về kinh tế - xã hội:*** Việc giữ các quy định như hiện nay không tạo ra sức hấp dẫn, sức cạnh tranh cho môi trường đầu tư Việt Nam để thu hút các dự án đầu tư mới cũng như giữ chân các nhà đầu tư hiện hữu khi thuế TTTC được áp dụng.

***(2) Tác động về giới:*** Không có tác động do không ban hành chính sách.

***(3) Tác động về thủ tục hành chính:*** Không phát sinh thủ tục hành chính do không ban hành chính sách.

***(4) Tác động đối với hệ thống pháp luật:*** Không có tác động do không ban hành chính sách.

### ***Giải pháp 2***

***(1) Đánh giá tác động về kinh tế xã hội***:tạo ra sức hấp dẫn, sức cạnh tranh cho môi trường đầu tư Việt Nam để thu hút các dự án đầu tư mới cũng như giữ chân các nhà đầu tư hiện hữu khi thuế TTTC được áp dụng nhằm đạt được mục tiêu thu hút đầu tư nước ngoài trong giai đoạn 2021-2025 khoảng 150 - 200 tỉ USD (30 - 40 tỉ USD/năm) và giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 200 - 300 tỉ USD (40 - 50 tỉ USD/năm)[[10]](#footnote-10).

*Việc lựa chọn doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao và xây dựng trung tâm nghiên cứu và phát triển là vì*:

***(i)*** Phù hợp với định hướng thu hút đầu tư nước ngoài của Việt Nam[[11]](#footnote-11) trong thời gian tới nhằm nâng cao vị thế của Việt Nam về mặt dài hạn trong chuỗi cung ứng quốc tế nhắm đến việc sản xuất các sản phẩm công nghệ cao made-in-Vietnam. Đặc biệt, là trong các ngành nghề lĩnh vực công nghệ cao đang là xu hướng mới trên thế giới như chíp, bán dẫn,... Ngoài ra, khuyến khích, thúc đẩy việc đưa hoạt động nghiên cứu và phát triển về Việt Nam thông qua các trung tâm nghiên cứu và phát triển để nâng cao nền tảng công nghệ gốc, phát triển nhân lực khoa học công nghệ tại Việt Nam. Việc hỗ trợ cho các doanh nghiệp đào tạo nhân lực công nghệ cao trong ngành chip, bán dẫn là phù hợp với xu thế thu hút đầu tư, xu hướng phát triển quốc tế trong ngành công nghệ bán dẫn, phù hợp với định hướng quốc gia trong việc phát triển nhân lực ngành bán dẫn đến năm 2030.

***(ii)***Phù hợp với tính chất chọn lọc của chính sách để tập trung nguồn lực nhằm thu hút đầu tư vào một lĩnh vực ưu tiên, tránh hỗ trợ dàn trải, tạo sự đột phá để đảm bảo vị thế cạnh tranh của Việt Nam, hạn chế thấp nhất tác động đến ngân sách nhà nước. Bản thân các sản phẩm và công nghệ thuộc lĩnh vực “công nghệ cao” theo Danh mục của Chính phủ cũng đã tương đối đa dạng, bao gồm cả các lĩnh vực về năng lượng như hydrogen, vật liệu, sinh học, v.v…theo đó đối tượng áp dụng vừa chọn lọc, lại vừa đủ phổ quát để khuyến khích đầu tư vào các sản phẩm, công nghệ tiên tiến.

***(iii)*** Quy mô vốn đầu tư hiện nay được quy định tại văn bản pháp luật về đầu tư và thuế, theo đó sẽ có 03 mức 6.000 tỷ đồng[[12]](#footnote-12), 12.000 tỷ đồng[[13]](#footnote-13) và 30.000 tỷ đồng[[14]](#footnote-14). Việc lựa chọn quy mô vốn đầu tư trên 12.000 tỷ đồng nhằm mục đích: ***(a)*** thu hẹp được đối tượng áp dụng để bảo đảm không bội chi ngân sách cho hỗ trợ đầu tư; ***(b)*** khuyến khích các tập đoàn đa quốc gia có các công ty thành viên tăng vốn đầu tư. Riêng quy mô vốn đầu tư đối với trung tâm nghiên cứu và phát triển cũng đã được quy định tại Điều 20 Luật đầu tư[[15]](#footnote-15) (vốn tối thiểu 3.000 tỷ đồng).

***(iv)*** Quy định về ưu đãi đầu tư đối với các dự án đầu tư đạt doanh thu trên 20.000 tỷ đồng đã được quy định tại pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp[[16]](#footnote-16). Đồng thời, với việc áp dụng tiêu chí doanh thu 20.000 tỷ đồng sẽ khuyến khích doanh nghiệp công nghệ cao kinh doanh hiệu quả, sản xuất sản phẩm có giá trị gia tăng cao, qua đó thúc đẩy phát triển ngành công nghệ cao tại Việt Nam. Như vậy, đối tượng áp dụng đã được quy định tại các văn bản pháp luật liên quan, không phải là nội dung mới được quy định sau khi thuế TTTC được ban hành. Điều này đảm bảo sự phù hợp với các quy định của OECD.

*Đối với các doanh nghiệp thực hiện danh mục dự án xanh/tăng trưởng xanh trọng điểm và doanh nghiệp Việt Nam dẫn dắt, tiên phong:* nhằm triển khai mục tiêu và quan điểm đã đề ra tại Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới và Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2021.

*Việc lựa chọn các khoản chi phí được hỗ trợ dựa trên một số tiêu chí sau:*

***(i)*** Phù hợp với mục tiêu của chính sách hỗ trợ đầu tư cho ngành công nghệ cao, có tính đột phá, tập trung vào các chi phí thiết yếu trong cơ cấu chi phí của doanh nghiệp để thúc đẩy sản xuất trong lĩnh vực công nghệ cao;

***(ii)*** Mang tính hỗ trợ nguồn lực đầu tư thực chất, có lợi cho Việt Nam về bản chất kinh tế, phù hợp với định hướng phát triển[[17]](#footnote-17);

***(iii)*** Phù hợp với thông lệ quốc tế, dựa trên tham khảo kinh nghiệm các quốc gia khác trên thế giới[[18]](#footnote-18);

***(iv)*** Mang tính chọn lọc, phù hợp với tình hình ngân sách, tránh trùng lặp với các khoản hỗ trợ ưu đãi đã được bố trí nguồn kinh phí khác để thực hiện[[19]](#footnote-19).

***(2) Đánh giá tác động đến ngân sách nhà nước:*** giải pháp được đưa ra có mục tiêu không ảnh hưởng tiêu cực tới NSNN.

***(i)*** *Về cân đối thu – chi ngân sách:* Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư được bố trí trong dự toán chi hằng năm của ngân sách trung ương theo nguyên tắc dựa trên khả năng cân đối ngân sách nhà nước. Do vậy, không có khả năng khoản chi vượt khoản thu.

Theo rà soát, đối tượng thuộc nhóm công nghệ cao được hưởng hỗ trợ dự kiến khoảng 22 doanh nghiệp, so với 122 doanh nghiệp nộp thuế TTTC (ước tính của Tổng Cục thuế). Đồng thời, số thuế phải nộp bổ sung của 22 doanh nghiệp này chiếm khoảng 80% số thu bổ sung thuế TTTC tại Việt Nam. Do đó, xét về tương quan thu-chi thì rủi ro thâm hụt ngân sách là thấp.

Đối với nhóm đối tượng chuyển đổi xanh và doanh nghiệp Việt Nam dẫn dắt, tiên phong sẽ xây dựng các tiêu chí cụ thể và đề xuất sử dụng thêm các nguồn NSNN khác để chi hỗ trợ.

***(ii)*** *Về quy trình thực hiện chi hỗ trợ đầu tư:*

*-* Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2024. Các khoản hỗ trợ cho doanh nghiệp sẽ được căn cứ theo các khoản chi của doanh nghiệp trong năm 2024 theo báo cáo tài chính có kiểm toán. Theo đó, khoản chi trả sẽ được xác định trong năm 2025.

 *-* Thời gian doanh nghiệp hoàn thành Báo cáo tài chính có kiểm toán là 3 tháng sau khi kết thúc năm tài chính (tháng 3/2025). Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đầu tư của doanh nghiệp được nộp cho cơ quan chủ trì thẩm định tổng hợp sẽ được thiết kế sau thời điểm tháng 3/2025 (dự kiến tháng 8/2025).

- Căn cứ dự thu Thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (QDMTT), Bộ Tài chính tổng hợp số tiền dự kiến hỗ trợ cho doanh nghiệp vào dự toán chi cho Quỹ hỗ trợ đầu tư hàng năm để báo cáo Chính phủ trình Quốc hội quyết định khi xem xét thông qua ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương.

- Tổ chức thực hiện chi trả hỗ trợ, thực hiện qua hình thức chi trả trực tiếp từ Quỹ Hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp trong phạm vi tài chính hằng năm của Quỹ (dự kiến tháng 3/2026). Trường hợp mức đề nghị hỗ trợ cao hơn so với khả năng của Quỹ sẽ căn cứ vào quyết định của Hội đồng xét duyệt hỗ trợ như sau: (i) Hội đồng xét duyệt quyết định chỉ chi trả hỗ trợ trong khả năng của Quỹ, Hội đồng sẽ quyết định mức hỗ trợ cho từng doanh nghiệp; (ii) Hội đồng xét duyệt đề xuất bổ sung ngân sách từ nguồn dự phòng để chi trả hỗ trợ theo mức ngân sách sau khi được bổ sung.

- Với quy trình lập dự toán nêu trên, có thể thấy thời gian lập dự toán chi đầu tư hỗ trợ cho doanh nghiệp sau khi đã dự kiến được số thu thuế bổ sung tối thiểu toàn cầu.

Như vậy căn cứ vào quy trình nêu trên, có thể thấy thời gian thu thuế bổ sung thuế TTTC là 12 tháng sau khi kết thúc năm tài chính[[20]](#footnote-20), trong khi thời gian thực hiện chi hỗ trợ là 15 tháng sau khi kết thúc năm tài chính. Việc này đảm bảo việc chi hỗ trợ đầu tư diễn ra sau thu thuế QDMTT. Đồng thời khoản chi chỉ trong phạm vi năng lực tài chính của Quỹ, đảm bảo không có bất kỳ ảnh hưởng nào đến cân đối ngân sách nhà nước.

***(3) Đánh giá tác động về hệ thống luật pháp chính sách***

***a) Sự phù hợp với các quy tắc OECD***

Nhằm đạt được mục tiêu của chính sách chống xói mòn cơ sở tính thuế và chuyển dịch lợi nhuận, OECD cũng có khuyến nghị một số nội dung nhằm tránh hiện tượng đảo ngược chính sách, cụ thể là cấm các quốc gia cung cấp các lợi ích có liên quan đến các quy tắc của Trụ cột II.

*(1) Định nghĩa “lợi ích có liên quan” theo quy định của Trụ cột II*

Theo Luận giải (Commentary) hướng dẫn chi tiết các Quy tắc mẫu[[21]](#footnote-21), khái niệm “lợi ích” được diễn giải như sau:

Thuật ngữ “các lợi ích” là bao quát và toàn diện để điều chỉnh bất kỳ loại lợi thế nào được cung cấp bởi một khu vực pháp lý, bao gồm các ưu đãi về thuế và trợ cấp; và cụm từ “liên quan đến các quy tắc” được soạn thảo có chủ ý với phạm vi rộng để tính đến các cơ chế khác nhau mà qua đó lợi ích được cung cấp.

*(2) Chủ thể cung cấp “lợi ích có liên quan”*

Theo Điểm 126 trang 213 tại bản Luận giải của OECD[[22]](#footnote-22), khi xem yếu tố “khu vực pháp lý” cung cấp các lợi ích có liên quan đến việc áp dụng các quy tắc của Trụ cột II, khái niệm “khu vực pháp lý” không chỉ là quốc gia hoặc chính quyền trung ương của khu vực pháp lý đó, mà còn bao gồm bất kỳ các phân khu chính trị, chính quyền địa phương, hoặc bất kỳ tổ chức công lập. Ví dụ, nếu một ngân hàng phát triển công lập cung cấp một lợi ích cụ thể liên quan đến việc áp dụng quy tắc thu nhập gộp IIR, thì quy tắc thu nhập gộp IIR áp dụng tại khu vực pháp lý đó không được coi là đạt chuẩn.

*(3) Mục đích cấm cung cấp các “lợi ích có liên quan”*

Yêu cầu “các khu vực pháp lý không được cung cấp bất kỳ lợi ích liên quan đến các quy tắc” của Trụ cột II được quy định trong định nghĩa về IIR, UTPR, DMTT đạt chuẩn tại Quy tắc mẫu (Model Rules)[[23]](#footnote-23) và diễn giải các định nghĩa này trong Bản luận giải (Commentary)[[24]](#footnote-24).

Mục đích của các quy định cấm này là để tránh các nước áp dụng các biện pháp đối ứng mang tính chất tiêu cực hoặc đi ngược lại với mục tiêu chung của Trụ cột II là chống xói mòn cơ sở tính thuế và chuyển lợi nhuận, đồng thời tạo cơ hội để các nước tái cấu trúc hệ thống ưu đãi theo hướng có hiệu quả hơn.

Mục đích này có thể được hiểu thông qua diễn giải về Thuế tối thiểu bổ sung nội địa đạt chuẩn (QDMTT) tại Điểm 116 trang 212 của Commentary như sau[[25]](#footnote-25):

*Thuế bổ sung nội địa được coi là là đạt chuẩn nếu được áp cho phần Lợi nhuận thặng dư của các Công ty trong nước nhằm tăng nghĩa vụ thuế lên Mức tối thiểu chung toàn cầu. Việc đánh thuế bổ sung nội địa phải được thực hiện và quản lý để tạo ra kết quả tương đương như khi áp dụng Quy tắc GloBE và các Luận giải, bao gồm cả việc cấm các khu vực pháp lý cung cấp bất kỳ lợi ích có liên quan đến thuế nội địa đó. Giới hạn về “lợi ích” này* ***không nhằm mục đích hạn chế khả năng của một khu vực pháp lý tiến hành cải cách hệ thống thuế thu nhập*** *doanh nghiệp của mình theo hướng phù hợp với cấu trúc thuế quốc tế mới được quy định trong Quy tắc GloBE. Những cải cách sau khi áp dụng thuế tối thiểu nội địa này không nên được coi là một “lợi ích” với điều kiện là nghĩa vụ thuế sau cải cách của Tập đoàn đa quốc gia, về mặt tổng thể****, không đi ngược lại với mục đích, định hướng*** *của các quy định tại Quy tắc GloBE và các Luận giải tương ứng.*

Do đó, các chính sách trợ cấp trực tiếp (không thông qua hệ thống thuế) sẽ ít rủi ro bị coi là lợi ích trực tiếp liên quan đến QDMTT.

*(4) Cơ sở đánh giá việc cung cấp các “lợi ích có liên quan”*

Theo Commentary của OECD, để xem xét liệu một lợi ích có liên quan đến Quy tắc mẫu của Trụ cột II hay không cần phải xem xét toàn bộ các tình tiết, sự kiện và hoàn cảnh của từng vụ việc. Trong đó phải xem xét nguyên tắc cơ bản của Trụ cột II là tạo ra một sân chơi bình đẳng giữa tất cả các khu vực pháp lý và tránh các hành động đi ngược mục đích do có sự khác biệt trong việc triển khai và áp dụng các quy tắc GloBE.

OECD đã cung cấp một số yếu tố cần được tính đến khi đánh giá liệu có "lợi ích liên quan đến các quy tắc" tại điểm 126[[26]](#footnote-26) trang 213 của Luận giải như sau:

* Liệu lợi ích chỉ được cấp cho các doanh nghiệp là đối tượng bị ảnh hưởng theo Quy tắc Mẫu Trụ cột Hai hay không;
* Liệu lợi ích có được giới thiệu như là một phần của việc thực hiện các Quy tắc mẫu của Trụ cột Hai hay không; Và
* Liệu lợi ích có được giới thiệu sau khi OECD bắt đầu thảo luận về Quy tắc mẫu của Trụ cột Hai hay không[[27]](#footnote-27).

*(Ghi chú: OECD chưa quy định toàn bộ các yếu tố đánh giá, các yếu tố này được xem là chỉ dẫn bước đầu khi đánh giá và lưu ý khi thiết kế chính sách ưu đãi để đảm bảo không vi phạm nguyên tắc này).*

Đối với QDMTT nếu Chính phủ có cung cấp khoản lợi ích có liên quan thì chính sách thuế tối thiểu nội địa coi như không đạt tiêu chuẩn. Thuế tối thiểu nội địa bổ sung không đạt chuẩn thì số thuế tối thiểu nộp thêm tại Việt Nam sẽ không được trừ khỏi công thức tính thuế tối thiểu bổ sung toàn cầu. Việc thuế tối thiểu bổ sung nội địa không đạt chuẩn làm tăng thêm nghĩa vụ thuế cho doanh nghiệp do phải nộp thêm thuế bổ sung tại quốc gia khác và có khả năng dẫn đến đánh trùng thuế giữa các quốc gia cũng như phát sinh thêm các thủ tục hành chính trong việc kê khai tính toán và có nguy cơ phát sinh các tranh chấp do sự khác biệt về tính toán giữa các quốc gia.

*(5) Thiết kế chính sách cần không làm giảm thuế suất hiệu quả để có thể mang lại lợi ích thực tế cho doanh nghiệp.*

**Công thức của Trụ Cột II:**

Công thức tính số thuế nộp bổ sung theo quy tắc IIR

**Thuế đã nộp được bao gồm sau điều chỉnh** tính trên cơ sở từng quốc gia

**Thu nhập theo GloBE** tính trên cơ sở từng quốc gia

**Thuế suất hiệu quả** của từng quốc gia

**Lợi nhuận thặng dư =** Thu nhập GloBE – **Các khoản giảm trừ theo bản chất (SBIE)**

**Thuế suất bổ sung =** Thuế suất tối thiểu – Thuế suất hiệu quả theo quốc gia

**Thuế bổ sung của từng quốc gia = (Lợi nhuận thặng dư x Thuế suất bổ sung) – Thuế tối thiểu nội địa đạt tiêu chuẩn (QDMTT)**



Căn cứ công thức nêu trên thuế suất hiệu quả càng thấp thì số thuế nộp bổ sung càng lớn hay nói cách khác nếu các khoản ưu đãi hỗ trợ có tác dụng làm giảm ETR thì sẽ làm tăng số thuế phải nộp bổ sung. Do đó, các chính sách hỗ trợ đưa ra đều cần xem xét sẽ ảnh hưởng đến ETR như thế nào.

Với công thức tính ETR ở trên, các hình thức ưu đãi sẽ tác động vào ETR thông qua việc (i) giảm tử số - làm giảm số thuế bao gồm (Covered Taxes) hoặc (ii) tăng mẫu số - làm tăng thu nhập (GloBe income).

OECD trong tài liệu về Ưu đãi thuế và trụ cột 2 tháng 10/2022 đã đưa ra phân tích về các loại công cụ ưu đãi tác động như thế nào đến ETR như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bản chất khoản hỗ trợ | Loại công cụ | Lợi ích thuế bị ảnh hưởng bởi cách tính thuế suất hiệu quả (GloBE ETR) | Ảnh hưởng đến thuế suất hiệu quả (GloBE ETR) | Lựa chọn công cụ ưu đãi |
| Tử số | Mẫu số |
| Ưu đãi dựa trên thu nhập |  | Miễn hoàn toàn | Nhiều khả năng | ↓ |  | Không lựa chọn  |
| Miễn một phần | Nhiều khả năng | ↓ |  | Không lựa chọn  |
| Giảm thuế suất | Nhiều khả năng | ↓ |  | Không lựa chọn  |
| Ưu đãi dựa trên chi phí | Giảm trừ thu nhập chịu thuế | Trợ cấp thuế3 | Nhiều khả năng | ↓ |  | Không lựa chọn  |
| Chi phí hóa tức thì và khấu hao nhanh | Ít khả năng | Điều chỉnh phát sinh mang tính theo thời điểm |  | Không lựa chọn vì công cụ này chỉ đem lại lợi ích về mặt thời gian thông qua việc trì hoãn nộp thuế nhưng không mang lại lợi ích bù đắp cho các doanh nghiệp |
| Đối với tài sản hữu hình, máy móc thiết bị và nhà cửa | Không ảnh hưởng | Không ảnh hưởng công thức tính |  |
| Đối với các tài sản vô hình có thời hạn ngắn | Ít khả năng | Có thể ảnh hưởng tính vào công thức tính |  |
| Tài sản khác | Nhiều khả năng | Có thể ảnh hưởng tính vào công thức tính |  | Không lựa chọn |
| Giảm trừ thuế | Các khoản giảm trừ thuế được hoàn lại đáp ứng điều kiện (QRTC) | Ít khả năng | Ghi chú 2 | ↑ | **Nên lựa chọn vì khoản giảm trừ thuế đạt chuẩn được tính vào thu nhập chịu thuế nên không làm giảm GloBE ETR có thể mang lại hiệu quả cho nhà đầu tư** |
| Các khoản giảm trừ thuế khác | Nhiều khả năng | ↓ |  | Không lựa chọn vì khoản giảm trừ không đạt chuẩn sẽ làm giảm Adjusted Covered Tax nên sẽ làm giảm GloBE ETR |

Nhìn chung, các khoản hỗ trợ, trợ cấp đầu tư có thể được chi trả theo hai phương thức (i) chi trả qua hệ thống thuế, hoặc (ii) chi trực tiếp hoặc theo các hình thức khác không qua hệ thống thuế như minh họa dưới đây:

Trong đó, khoản hỗ trợ của Chính phủ được chi trả trực tiếp bằng tiền mặt (Cash grant) hoặc chi trả qua hệ thống thuế bằng cách cấn trừ với nghĩa vụ thuế hoặc trả tiền mặt trong vòng 4 năm kể từ khi công ty đáp ứng điều kiện được hỗ trợ (QRTC) không làm giảm thuế suất hiệu quả nên có thể mang lại hiệu quả cho nhà đầu tư khi áp dụng Trụ cột 2.



***Lưu ý với trường hợp chi trả theo hình thức khác không qua hệ thống thuế***

Khoản trợ cấp của Chính phủ nếu có liên kết hoặc giới hạn bởi các nghĩa vụ thuế sẽ không được coi là khoản giảm trừ thuế được hoàn lại đáp ứng điều kiện dẫn đến việc phải tính toán lại và làm giảm thuế suất hiệu quả GloBE ETR. Do đó, nếu đã chi trả không thông qua hệ thống thuế thì không nên có các quy định tham chiếu đến các nghĩa vụ thuế bổ sung.

***Kết luận***

Các đề xuất giải pháp chính sách hỗ trợ đầu tư sẽ không vi phạm các quy tắc của OECD vì:

(i) Khoản hỗ trợ không phải là cung cấp lợi ích có liên quan đến chính sách thuế tối thiểu nội địa bổ sung để chính sách này có thể đạt chuẩn theo quy định của OECD là QDMTT. Theo đó:

- Chính sách hỗ trợ áp dụng cho tất cả các đối tượng đáp ứng điều kiện hưởng trợ cấp, không chỉ áp dụng với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi trụ cột 2, không phân biệt dự án đầu tư cũ hay mới.

- Chính sách không được giới thiệu là một phần của chính sách thuế TTTC, số tiền hỗ trợ không thể hiện mối liên hệ đến số thuế nộp bổ sung.

- Chính sách cũng dựa trên các tiêu chí hoặc quy định đã có từ trước để giảm thiểu việc giới thiệu một chính sách mới sau khi áp dụng trụ cột 2.

(ii) Chính sách hỗ trợ có hình thức hỗ trợ trực tiếp bằng tiền để mang lại hiệu quả cho nhà đầu tư. Theo đó, khoản hỗ trợ sẽ là khoản ưu đãi hỗ trợ dựa trên chi phí, không liên quan đến hoặc giới hạn bởi nghĩa vụ thuế phải nộp (hay liên quan đến doanh thu, lợi nhuận).

***b) Sự phù hợp với cam kết WTO***

Điều XVI Hiệp định chung về thuế quan và mậu dịch GATT 1994 và Hiệp định về trợ cấp và các biện pháp đối kháng (Agreement on Subsidies and Countervailing Measures-Hiệp định SCM) đưa ra các quy định về các khoản trợ cấp của chính phủ.

*(1) Định nghĩa của trợ cấp theo WTO:*

Trợ cấp được định nghĩa là các khoản trợ giúp bằng tài chính của chính phủ hoặc cơ quan nhà nước, mang lại lợi ích cho đối tượng nhận trợ cấp. Trợ cấp có thể có một trong các hình thức sau hoặc kết hợp của các hình thức dưới đây, từ chính phủ hoặc thông qua các quỹ, các tổ chức tín thác, hoặc tư nhân:

- Trợ cấp trực tiếp bằng tiền (ví dụ: cấp vốn, cho vay hoặc góp vốn cổ phần);

- Các khoản tiền hoặc nợ có thể được chuyển trong tương lai (ví dụ: bảo lãnh khoản vay);

- Miễn hoặc bỏ qua các khoản lẽ ra phải đóng (ví dụ: ưu đãi thuế, tín dụng);

- Mua hàng, cung cấp các dịch vụ hoặc hàng hóa (trừ cơ sở hạ tầng chung). Trợ cấp sẽ phải tuân theo các quy tắc trong Hiệp định SCM nếu thỏa mãn điều kiện về “tính riêng biệt”, tức là các khoản trợ cấp này được áp dụng riêng cho một doanh nghiệp, một ngành hoặc nhóm doanh nghiệp hoặc nhóm ngành. WTO yêu cầu các nước thành viên hạn chế các khoản trợ cấp làm sai lệch việc phân bổ nguồn lực trong nền kinh tế. Các chương trình trợ giúp của chính phủ được áp dụng rộng rãi trong một nền kinh tế có thể không vi phạm nguyên tắc nêu trên. Theo quy định tại Hiệp định SCM, các trường hợp trợ cấp dưới đây có thể bị coi là có “tính riêng biệt”:

- Trợ cấp cho các doanh nghiệp cụ thể, hoặc ngành cụ thể.

- Trợ cấp cho một khu vực địa lý cụ thể.

- Các khoản trợ cấp bị cấm

*(2) Các loại trợ cấp theo WTO*

Về nguyên tắc, Chính phủ có thể trợ cấp cho các công ty với những hạn chế và điều kiện nhất định.

Hiệp định SCM xác định hai loại trợ cấp: trợ cấp bị cấm (trợ cấp đèn đỏ), trợ cấp không bị cấm nhưng có thể bị khiếu kiện (trợ cấp đèn vàng - tức là có thể bị thách thức trong WTO hoặc áp dụng các biện pháp đối kháng). Ban đầu, Hiệp định SCM có một danh mục thứ ba là Trợ cấp không bị khiếu kiện (trợ cấp đèn xanh). Danh mục này tồn tại trong năm năm, kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 1999 và không được gia hạn.

*- Về trợ cấp bị cấm,* theo điều 3 của Hiệp định SCM, các khoản trợ cấp sau đây bị cấm:

+ Trợ cấp xuất khẩu - nghĩa là bất kỳ khoản trợ cấp nào dựa trên một hoặc nhiều điều kiện khi xuất khẩu, kể cả trường hợp có quy định pháp luật hay được áp dụng trên thực tế. Ví dụ, trợ cấp được cấp theo giá trị hoặc tỷ lệ xuất khẩu, trợ cấp cho chi phí nguyên vật liệu để xuất khẩu, ưu đãi/ thuế hoàn lại được cấp nếu có hoạt động xuất khẩu.

+ Trợ cấp khuyến khích tiêu dùng sản phẩm trong nước: nghĩa là bất kỳ khoản trợ cấp nào phụ thuộc vào việc sử dụng hàng hóa trong nước thay vì hàng nhập khẩu, dù chỉ là một hoặc một trong một số điều kiện khác.

Ngoài ra, theo chú thích 4 trong Hiệp định SCM giải thích thêm cho lời văn về việc trợ cấp bị coi là tồn tại khi “có quy định pháp luật luật hay được áp dụng trên thực tế” đối với hoạt động xuất khẩu như sau: “Tiêu chí này có nghĩa là cho dù không có quy định pháp luật rằng chính phủ sẽ cấp trợ cấp nếu bên nhận trợ cấp đạt được kết quả xuất khẩu nhất định, nhưng trên thực tế trợ cấp vẫn được cấp gắn với tình hình xuất khẩu hoặc thu nhập từ xuất khẩu ở hiện tại hoặc trong tương lai. Việc cấp trợ cấp cho các doanh nghiệp xuất khẩu không vì thế mà lập tức bị coi là trợ cấp xuất khẩu hiểu theo nghĩa của Điều này.”

Như vậy, khoản trợ cấp dành cho doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm sẽ không thuộc khoản trợ cấp bị cấm, nếu khoản trợ cấp đó không ràng buộc hoặc phụ thuộc vào xuất khẩu hoặc thu nhập từ xuất khẩu, và thỏa mãn các điều kiện khác của Hiệp định SCM. Quan điểm này đã được thảo luận và lưu ý trong quá trình đàm phán WTO giữa Việt Nam và các thành viên khác về các ưu đãi dành cho các doanh nghiệp trong khu chế xuất mà Việt Nam khẳng định rằng các ưu đãi đó sẽ phù hợp với WTO, tức là các ưu đãi sẽ không phụ thuộc vào kết quả hoạt động xuất khẩu hoặc tỷ lệ nội địa hóa.

*- Về trợ cấp có thể bị khiếu kiện,* theo điều 5 của Hiệp định SCM, trợ cấp không bị cấm nhưng có thể bị khiếu kiện (trợ cấp đèn vàng) là việc một Thành viên thông qua việc sử dụng bất kỳ trợ cấp nào để gây ra tác động có hại đến quyền lợi của Thành viên khác, cụ thể:

+ Gây tổn hại cho một ngành sản xuất của một Thành viên khác;

+ Làm vô hiệu hay gây phương hại đến những quyền lợi mà Thành viên khác trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng từ Hiệp định GATT 1994, đặc biệt là những quyền lợi có được từ những cam kết theo Điều 2 của Hiệp định GATT 1994.

+ Gây tổn hại nghiêm trọng tới quyền lợi của một Thành viên khác. Trong trường hợp này, quốc gia khiếu nại phải chứng minh rằng trợ cấp do quốc gia thành viên khác cung cấp có ảnh hưởng xấu đến lợi ích của quốc gia đó.

Việc xác định thiệt hại có thể tại quốc gia nhập khẩu, hoặc các nhà xuất khẩu đối thủ từ một quốc gia khác khi cả hai cạnh tranh ở thị trường thứ ba, hoặc tại quốc gia cấp trợ cấp khiếncác nhà xuất khẩu nước ngoài mất lợi thế cạnh tranh.

Thông thường, trợ cấp đèn vàng sẽ được đưa ra Cơ quan giải quyết tranh chấp của WTO để phán quyết. Nếu Cơ quan giải quyết tranh chấp quy định rằng trợ cấp có tác động bất lợi, trợ cấp đó phải được thu hồi hoặc ảnh hưởng bất lợi của nó phải được loại bỏ. Hầu hết các khoản trợ cấp, chẳng hạn như trợ cấp sản xuất, thuộc loại "có thể đối kháng". Việc tạo ra một hệ thống các biện pháp khắc phục đa phương cho phép các Thành viên đặt câu hỏi cho các khoản trợ cấp làm phát sinh các tác động bất lợi thể hiện một bước tiến lớn so với cơ chế trước đây của WTO. Tuy nhiên, cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO hiện nay vẫn bị các nước thành viên chỉ trích là thiếu hiệu quả và vẫn tồn tại những khó khăn trong hầu hết các trường hợp đối với Thành viên khiếu nại để chứng minh các tác động thương mại bất lợi phát sinh từ trợ cấp.

*- Nghĩa vụ thông báo về trợ cấp:*

Điều 25 của Hiệp định SCM yêu cầu các Thành viên thông báo về mọi khoản trợ cấp cụ thể (ở tất cả các cấp chính quyền và bao gồm tất cả các lĩnh vực hàng hóa, bao gồm cả nông nghiệp) cho Ủy ban SCM, và thông báo các biện pháp đối kháng được triển khai, thường là định kì nửa năm hoặc hàng năm. Các thông báo này là chủ đề được Ủy ban SCM xem xét và thảo luận.

Theo báo cáo của Ủy ban trợ cấp và Các biện pháp đối kháng về Chương trình trợ cấp của Việt Nam ngày 27 tháng 2 năm 2020, Việt Nam đã đệ trình một thông báo mới và đầy đủ theo điều XVI của GATT 1994 và điều 25 của Hiệp định SCM. Trong báo cáo này, tất cả các khoản trợ cấp hiện có ở Việt Nam (bao gồm ưu đãi thuế suất TNDN, miễn thuế nhập khẩu, miễn tiền thuê đất, ... cho các dự án đầu tư vào các lĩnh vực/địa điểm ưu đãi, thuế suất ưu đãi cho các dự án năng lượng mặt trời/gió, v.v.) đều đã được báo cáo. Theo báo cáo này, không có trợ cấp nào có tác động đến thương mại tức là các khoản trợ cấp này được phép theo WTO.

Ngoài ra, một số yếu tố nên xem xét là hiện tại thực tế thủ tục giải quyết tranh chấp của WTO đang chưa có (chưa có tổ chức tài phán giải quyết), các nước xuất khẩu chính của VN đối với các sản phẩm sản xuất như Hoa Kỳ, EU… tuy nhiên các quốc gia này không sản xuất nên rất khó để chứng minh bị thiệt hại, do đó cũng khó có căn cứ để đánh thuế đối kháng.

 Tại Hoa Kỳ có áp dụng các ưu đãi hỗ trợ cho sản xuất đối với các dự án chiến lược như ưu đãi bằng tiền mặt cho sản xuất pin xe điện … cũng không thuộc đối tượng phải áp thuế đối kháng.

*Kết luận*

Trên cơ sở các thông tin và phân tích nêu trên, các cơ chế trợ cấp dựa trên chi phí không thuộc loại trợ cấp bị cấm, nếu trợ cấp này áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp (bao gồm cả doanh nghiệp trong nước và đầu tư trực tiếp nước ngoài, các công ty xuất khẩu và các công ty bán hàng trong nước) và nó không phụ thuộc vào kết quả hoạt động xuất khẩu hoặc thu nhập từ xuất khẩu (không bị coi là có “tính riêng biệt” và không phải là trợ cấp xuất khẩu). Các nước thành viên WTO khác có thể xem xét lại các khoản trợ cấp mà một quốc gia đưa ra để xác định xem khoản trợ cấp đó có tạo ra bất kỳ ảnh hưởng xấu nào đến lợi ích của họ hay không. Tuy nhiên, khả năng cao một chương trình trợ cấp dựa trên chi phí nghiên cứu và phát triển hoặc vốn đầu tư không gây tổn hại nghiêm trọng cho các nước thành viên khác.

### ***c) Sự phù hợp với các Hiệp định thương mại tự do (FTA)***

(1) Các hình thức hỗ trợ như đề xuất không nêu đích danh doanh nghiệp được hưởng. Thay vào đó, chính sách chỉ đặt ra các tiêu chí, và trong trường hợp bất kỳ doanh nghiệp nào đạt được các tiêu chí này, thì doanh nghiệp đó cũng sẽ được hưởng hỗ trợ. Do đó, không vi phạm phân biệt đối xử trong phạm vi bảo hộ đầu tư theo thỏa thuận của các FTA.

(2) Yếu tố hỗ trợ theo ngành sản xuất cụ thể, hoặc loại sản phẩm cụ thể không làm phát sinh yếu tố phân biệt đối xử do không đặt ra bất kỳ rào cản tham gia thị trường nào đối với các doanh nghiệp muốn đáp ứng đủ tiêu chí để được hưởng hỗ trợ.

###  ***(4)Đánh giá tác động về thủ tục hành chính***

***(i)*** Đối tượng doanh nghiệp công nghệ cao, dự án quy mô lớn, dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án sản xuất sản phẩm là những đối tượng hiện nay đang được hưởng chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, nên việc đánh giá và chọn lọc đối tượng có thể tận dụng thủ tục hành chính hiện hành. Cụ thể, thủ tục xác nhận Doanh nghiệp công nghệ cao, dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao là thủ tục đã có sẵn theo quy định hiện hành của Luật công nghệ cao. Doanh nghiệp có thể tự đánh giá việc đáp ứng các điều kiện về quy mô vốn, tiến độ giải ngân của dự án, vì vậy không phát sinh thêm nhiều các thủ tục xác nhận về đối tượng.

***(ii)*** Quy trình thủ tục đề xuất và thẩm định hỗ trợ đầu tư là thủ tục hành chính mới áp dụng cho các đối tượng hưởng hỗ trợ. Tuy nhiên thực tế quy trình này được xây dựng tương tự với quy trình thẩm định các dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.

### ***(5) Đánh giá tác động về vấn đề giới****:* không có

### **5. Kiến nghị giải pháp:** kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là Chính phủ).

# **III. Ý KIẾN THAM VẤN**

 Báo cáo đánh giá tác động đã được lấy ý kiến của các bộ, ngành, cơ quan trung ương, các công ty kiểm toán quốc tế và các các chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước. Cơ quan đánh giá tác động đã tiếp thu và hoàn chỉnh nội dung Báo cáo đánh giá tác động.

# **IV. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA**

**1. Dự kiến nguồn lực cho việc thi hành văn bản**

- Từ nguồn ngân sách trung ương;

- Từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

**2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành văn bản**

Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành văn bản bao gồm các nội dung được xác định như sau:

- Tuyên truyền, phổ biến văn bản: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến nội dung văn bản và các quy định liên quan; Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định của văn bản kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện:

Được bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các quy định trong văn bản, ngoài nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, huy động nguồn lực từ cơ quan, đơn vị và địa phương, hỗ trợ của các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án khác để có nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện văn bản.

#  **V. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ**

 Chính phủ báo cáo UBTVQH trước khi ban hành Nghị định.

Sau khi Nghị định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư được ban hành:

1. Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Tổ chức thi hành Nghị định này;

b) Phân công các Bộ, ngành, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ để thực hiện việc xây dựng dự toán hàng năm, đánh giá, thẩm định, cấp hỗ trợ, kiểm tra và giám sát việc hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp cũng như các ưu đãi đầu tư khác.

2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các Ủy ban của Quốc hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện chính sách này.

3. Về việc thi hành

Nghị định áp dụng từ năm tài chính 2024.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của Nghị định thành lập, quản lý và sử dụng quỹ hỗ trợ đầu tư./.

*(Xin gửi kèm theo:*

*Phụ lục I: Cơ chế ưu đãi, hỗ trợ đầu tư của Việt Nam*

*Phụ lục II: Trợ cấp và biện pháp đối kháng theo Hiệp định WTO)*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- TTgCP, PTTg Lê Minh Khái (để b/c);- Văn phòng Chính phủ; - Các Bộ, cơ quan TW: TC, KHCN, TN&MT, CT, XD, GTVT, LĐTBXH, GD&ĐT, TT&TT, NG, TP, NV, NHNN; - Lưu: VT, ĐTNNDA | **KT. BỘ TRƯỞNG** **THỨ TRƯỞNG****Nguyễn Thị Bích Ngọc** |

**PHỤ LỤC I**

**CƠ CHẾ ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CỦA VIỆT NAM**

# **I. VỀ HÌNH THỨC VÀ ĐỐI TƯỢNG ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ**

**Điều 15. Hình thức và đối tượng áp dụng ưu đãi đầu tư**

1. Hình thức ưu đãi đầu tư bao gồm:

a) Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, bao gồm áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất thông thường có thời hạn hoặc toàn bộ thời gian thực hiện dự án đầu tư; miễn thuế, giảm thuế và các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp;

b) Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định; nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

c) Miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế sử dụng đất;

d) Khấu hao nhanh, tăng mức chi phí được trừ khi tính thu nhập chịu thuế.

2. Đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư bao gồm:

a) Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật này;

b) Dự án đầu tư tại địa bàn ưu đãi đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật này;

c) Dự án đầu tư có quy mô vốn từ 6.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 6.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời có một trong các tiêu chí sau: có tổng doanh thu tối thiểu đạt 10.000 tỷ đồng mỗi năm trong thời gian chậm nhất sau 03 năm kể từ năm có doanh thu hoặc sử dụng trên 3.000 lao động;

d) Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội; dự án đầu tư tại vùng nông thôn sử dụng từ 500 lao động trở lên; dự án đầu tư sử dụng lao động là người khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật;

đ) Doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ; dự án có chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ; cơ sở ươm tạo công nghệ, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, pháp luật về khoa học và công nghệ; doanh nghiệp sản xuất, cung cấp công nghệ, thiết bị, sản phẩm và dịch vụ phục vụ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

e) Dự án đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển;

g) Đầu tư kinh doanh chuỗi phân phối sản phẩm của doanh nghiệp nhỏ và vừa; đầu tư kinh doanh cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa; đầu tư kinh doanh khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Ưu đãi đầu tư được áp dụng đối với dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng.

4. Mức ưu đãi cụ thể đối với từng loại ưu đãi đầu tư được áp dụng theo quy định của pháp luật về thuế, kế toán và đất đai.

5. Ưu đãi đầu tư quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều này không áp dụng đối với các dự án đầu tư sau đây:

a) Dự án đầu tư khai thác khoáng sản;

b) Dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ dự án sản xuất ô tô, tàu bay, du thuyền;

c) Dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại theo quy định của pháp luật về nhà ở.

6. Ưu đãi đầu tư được áp dụng có thời hạn và trên cơ sở kết quả thực hiện dự án của nhà đầu tư. Nhà đầu tư phải đáp ứng điều kiện hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật trong thời gian hưởng ưu đãi đầu tư.

7. Dự án đầu tư đáp ứng điều kiện hưởng các mức ưu đãi đầu tư khác nhau, bao gồm cả ưu đãi đầu tư theo quy định tại Điều 20 của Luật này thì được áp dụng mức ưu đãi đầu tư cao nhất.

8. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

**II. VỀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ ĐẶC BIỆT**

**Điều 20. Ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt**

1. Chính phủ quyết định việc áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt nhằm khuyến khích phát triển một số dự án đầu tư có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội.

2. Đối tượng áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Dự án đầu tư thành lập mới (bao gồm cả việc mở rộng dự án thành lập mới đó) các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển có tổng vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 1.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư; trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

b) Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 10.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư.

3. Mức ưu đãi và thời hạn áp dụng ưu đãi đặc biệt thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và pháp luật về đất đai.

4. Hỗ trợ đầu tư đặc biệt được thực hiện theo các hình thức quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật này.

5. Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt quy định tại Điều này không áp dụng đối với các trường hợp sau đây:

a) Dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành;

b) Dự án đầu tư quy định tại khoản 5 Điều 15 của Luật này.

6. Chính phủ trình Quốc hội quyết định áp dụng các ưu đãi đầu tư khác với ưu đãi đầu tư được quy định tại Luật này và các luật khác trong trường hợp cần khuyến khích phát triển một dự án đầu tư đặc biệt quan trọng hoặc đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

**PHỤ LỤC II**

**TRỢ CẤP VÀ BIỆN PHÁP ĐỐI KHÁNG THEO HIỆP ĐỊNH WTO**

**I. Định nghĩa của trợ cấp**

Sự hỗ trợ về tài chính của Chính Phủ cho một **ngành công nghiệp và doanh nghiệp nào đó** để **Chính phủ** đạt được một chính sách nhất định

**II. Ý nghĩa của biện pháp đối kháng**

1. Biện pháp đối kháng là một biện pháp để **bổ sung và áp đặt thuế đối kháng (“CVD”) đối với hàng hóa nhập khẩu tương ứng với** hàng hóa và nhà xuất khẩu hoặc nước xuất khẩu được chỉ định nhằm bảo vệ các ngành công nghiệp trong nước khi có lo ngại về thiệt hại thực tế do nhập khẩu hàng hóa đã được trợ cấp hoặc tiền khuyến khích trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến chế tạo, sản xuất hoặc xuất khẩu ở nước ngoài.

2. Để thực hiện biện pháp đối kháng cần thỏa mãn 3 điều kiện sau:

1. Tồn tại sự hỗ trợ tài chính (Financial contribution) từ cơ quan chính phủ/nhà nước
2. Phát sinh lợi ích (benefit) đối với doanh nghiệp hay ngành công nghiệp đặc thù do sự hỗ trợ tài chính đó
3. Vì lý do đó, doanh nghiệp cạnh tranh hay các ngành công nghiệp ở nước nhập khẩu bị thiệt hại và mối quan hệ nhân quả được thiết lập giữa việc chi trả trợ cấp và thiệt hại về công nghiệp

**III. Nội dung chính của Hiệp định WTO**

1. Trợ cấp tuân theo các biện pháp đối kháng theo hiệp định WTO bao gồm các trợ cấp tài chính của chính phủ và kết quả là lợi ích kinh tế được hình thành. Đặc biệt, điều quan trọng là phải xác định tính đặc thù của trợ cấp (Specificity) và liệu trợ cấp có gây thiệt hại nghiêm trọng (Serious Prejudice) đến lợi ích của quốc gia khác hay không để có thể áp dụng các biện pháp đối kháng

2. Tính đặc thù có nghĩa là khả năng tiếp cận trợ cấp bị giới hạn ở các công ty cụ thể

(i) Theo luật, tính đặc thù phát sinh khi trợ cấp chỉ được trả cho một số công ty và một số ngành công nghiệp, và được coi là không có tính đặc thù khi các khoản trợ cấp được thực hiện theo các tiêu chuẩn và điều kiện khách quan mà không có sự chỉ định của một số công ty hoặc ngành công nghiệp nào.

(ii) Theo luật dù không có tính đặc thù, tuy nhiên trên thực tế, trong trường hợp việc cấp hoặc sử dụng trợ cấp mang tính phân biệt đối xử vẫn được coi là có tính đặc thù.

(iii) Trợ cấp được chi trả cho các doanh nghiệp trên một địa bàn nhất định cũng được coi là có tính đặc thù.

3. Việc xác định **thiệt hại nghiêm trọng** hay không phải được chứng minh dựa trên các tiêu chí sau

(i) Tỷ lệ trợ cấp vượt quá 5%

(ii) Trợ cấp để bù đắp cho những thua lỗ của một ngành công nghiệp hoặc một DN đặc thù

(iii) Trường hợp xóa nợ

(\*) Theo tiêu chuẩn tính quan trọng (de minimis) thuế đối kháng của Hoa Kỳ và EU, nếu mức trợ cấp **thấp hơn 1% giá hàng hóa** (2% đối với các nước đang phát triển) thì không bị coi là thiệt hại nghiêm trọng) ▷ Việt Nam không phải là nước đang phát triển

**IV. Phân tích các ví dụ biện pháp đối kháng chính đối với hình thức trợ cấp**

Trong các ví dụ điều tra về các biện pháp đối kháng chính, tất cả các lợi ích như miễn giảm thuế, hỗ trợ tài chính … đều được coi là trợ cấp. (Tuy nhiên, trợ cấp dựa trên kết quả hoạt động xuất khẩu được phân loại là trợ cấp bị cấm và so với các khoản trợ cấp khác, thông thường các khoản khấu trừ thuế (Tax credit) có khả năng cao được đánh giá là không mang tính đặc thù)

Ngoài ra, trợ cấp chi trả cho nhà cung cấp - Vendor cũng thuộc đối tượng điều tra áp dụng biện pháp đối kháng.

Trong quá khứ, giao dịch trực tiếp tức là bán hàng trực tiếp và vận chuyển hàng hóa từ nước sản xuất sang nước nhập khẩu là đối tượng chính của các cuộc điều tra, tuy nhiên vẫn có ví dụ điều tra trong trường hợp tái xuất khẩu.

Khả năng áp dụng biện pháp đối kháng theo hình thức/tính chất trợ cấp được tóm tắt như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Phân loại** | **Khả năng** |
| 1 | Trợ cấp với hình thức khác | **(i)** Các khoản trợ cấp xuất khẩu dành cho doanh nghiệp đáp ứng **điều kiện kết quả hoạt động xuất khẩu** thuộc **“trợ cấp bị cấm”**(ii) Hoàn trả lại trợ cấp |
| 2 | Miễn trừ chi phí (điện, nước, chi phí thuê…) | Khi các khoản trợ cấp cho các cơ sở vật chất sản xuất được trả cho một công ty cụ thể hoặc nhà cung cấp của một công ty cụ thể, nó có nhiều khả năng được đánh giá là có **'tính đặc thù'** |
| 3 | Giảm trừ thuế (Tax credit) | So với các khoản trợ cấp hình thức khác thì có nhiều khả năng được đánh giá là có **“tính đặc thù” thấp** |
| 4 | Hạng mục khác(\*) | (i) Ưu đãi miễn giảm thuế như thuế nhập khẩu/GTGT dành cho doanh nghiệp đặc thù được chỉ định có khả năng cao bị coi là trợ cấp có **“tính đặc thù”**(ii) Các khoản trợ cấp xuất khẩu dành cho doanh nghiệp đáp ứng **điều kiện kết quả xuất khẩu** thuộc **“trợ cấp bị cấm”** |

(\*) Miễn giảm thuế quan/thuế GTGT đối với hàng hóa nhập khẩu, thuế địa phương, thuế nhà thầu nước ngoài (FCT)…

1. **Tình hình điều tra/áp dụng thuế đối kháng**

Theo thống kê về điều tra và áp dụng thuế đối kháng thì Mỹ và EU là chiếm đa số:

|  |  |
| --- | --- |
| **Theo tiêu chuẩn quốc gia xuất khẩu** | **Theo tiêu chuẩn quốc gia điều tra** |
| Quốc gia | Điều tra | Áp dụng | Quốc gia | Điều tra | Áp dụng |
| Trung Quốc | 189 | 129 | **Mỹ** | **290** | **173** |
| Ấn Độ | 93 | 56 | **EU** | **89** | **45** |
| Hàn Quốc | 32 | 15 | Canada | 76 | 36 |
| Việt Nam | 23 | 9 | Úc | 38 | 16 |
| Khác | 295 | 135 | Khác | 139 | 74 |
| Tổng | 632 | 344 | Tổng | 362 | 344 |

Các mặt hàng điều tra và áp dụng biện pháp đối kháng chính tập trung vào các sản phẩm phi kim loại (Chương Mục 15 trong quy định phân loại HS code) (mức 50%), và thiết bị gia dụng, điện thoại di động, chất bán dẫn (Chương Mục 16 trong quy định phân loại HS c), v.v. ở mức 5% ▷ Lý do tập trung vào các lĩnh vực nguyên vật liệu chính như thép…vì có thể dễ dàng so sánh tương đối về sản phẩm, giá, chuỗi cung ứng…(nghĩa là dễ chứng minh về sự thiệt hại nghiêm trọng)

**VI. Hạng mục cân nhắc biện pháp đối kháng khi áp dụng trợ cấp**

1. Khi xem các ví dụ và quy định của Hiệp định WTO, khoản trợ cấp có thể áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp mà không giới hạn trong một số doanh nghiệp đặc thù nào hoặc một lĩnh vực kinh tế đặc biệt nào thì sẽ không thuộc đối tượng áp dụng biện pháp đối kháng.

2. Ngoài ra, bất kể mức độ cụ thể nào, nếu tỷ lệ trợ cấp được duy trì trong phạm vi 1% giá bán (giá do người sản xuất nhận trợ cấp bán ra) thì không áp dụng các biện pháp đối kháng.

3. Ngay cả khi có cơ cấu giao dịch phức tạp thì cũng cần tính đến khả năng bị áp dụng biện pháp đối kháng, ví dụ trường hợp cơ cấu tái xuất tức là sản xuất theo đơn đặt hàng của công ty mẹ (doanh nghiệp bán lại công ty mẹ của Tập đoàn và Tập đoàn bán cho các nhà phân phối tại nước nhập khẩu), thông thường người khiếu nại rất khó để chứng minh thiệt hại (nghĩa là các công ty sản xuất theo đơn đặt hàng/gia công có nguy cơ áp dụng các biện pháp đối kháng tương đối thấp), vì vậy việc xuất khẩu tới thị trường Hoa Kỳ và EU nơi có nhiều cuộc điều tra và áp dụng biện pháp đối kháng cần xem xét duy trì cơ cấu sản xuất theo đơn đặt hàng/gia công.

4. Việc chuyển đổi các khoản giảm và miễn thuế thành trợ cấp có thể bị truy vấn (challenge), tuy nhiên i) đó là một quyết định hợp lý của Chính phủ Việt Nam nhằm nâng cao tính hiệu lực của việc giảm và miễn thuế sau khi áp dụng thuế TTTC Trụ cột 2 (ở quốc gia khác cũng đã hoặc đang nghiên cứu tương tự), ii) Chi trả trợ cấp trong phạm vị ưu đãi đã được dự kiến tương ứng với khoản miễn giảm thuế hiện tại, iii) Cần phải nhấn mạnh rằng việc áp dụng trợ cấp là một phần/mắt xích của cuộc cải cách thuế cũng như là một quyết định tất yếu đối với sự phát triển kinh tế của Việt Nam.

**VII. Nội dung chính liên quan đến biện pháp đối kháng đối với khoản trợ cấp trong hiệp định WTO**

**1. Điều kiện chính của “Trợ cấp” (Điều 1 Khoản 1)**

(i) Nếu có sự đóng góp tài chính (\*) của chính phủ trong lãnh thổ của một quốc gia thành viên WTO và lợi ích kinh tế được trao bởi điều này

(\*) 1) Thông lệ của chính phủ liên quan đến việc chuyển tiền trực tiếp (ví dụ như viện trợ không hoàn lại, các khoản vay và tham gia cổ phần), chuyển nhượng trực tiếp các quỹ tiềm năng hoặc các nghĩa vụ nợ (ví dụ như bảo lãnh khoản vay); 2) từ bỏ hoặc không đánh thuế là các khoản phải thu của chính phủ (các ưu đãi tài chính như khấu trừ thuế); 3) Chính phủ cung cấp hoặc mua hàng hóa hoặc dịch vụ không phải là vốn đầu tư gián tiếp chung của xã hội

(ii) Trợ cấp được đánh giá là có “tính đặc thù” sẽ trở thành đối tượng áp dụng biện pháp đối kháng ▷ Điều này là do chi phí sản xuất của các công ty được trợ cấp có chọn lọc được giảm xuống, dẫn đến sự méo mó trong thương mại quốc tế.

(iii) Trợ cấp được chia làm 3 loại: trợ cấp bị cấm, trợ cấp có thể đối kháng và trợ cấp không thể đối kháng (trợ cấp được phép)

**2. Trợ cấp mang tính đặc thù** **(Điều 2)**

Trong trường hợp chính phủ hoặc luật pháp hạn chế rõ ràng quyền tiếp cận trợ cấp cho các công ty cụ thể/đặc thù. (Tuy nhiên, dù bề ngoài không có “tính đặc thù” thì vẫn có thể xem xét các yếu tố khác để đánh giá bản chất là có tính đặc thù) **(\*)**

(\*) Ví dụ: sử dụng các kế hoạch trợ cấp của một số công ty cụ thể, sử dụng áp đảo bởi các công ty cụ thể, số trợ cấp lớn không tương xứng cho các công ty cụ thể và phương cách chính phủ/cơ quan nhà nước thực hiện quyền quyết định trong các quyết định trợ cấp)

**3. Trợ cấp không** **mang tính đặc thù** **(Điều 2)**

(i) Trong trường hợp các tiêu chuẩn hoặc điều kiện (\*) mang tính khách quan quy định điều kiện người thụ hưởng và số trợ cấp được thiết lập phù hợp với chính phủ hoặc luật pháp, và các điều kiện thụ hưởng là tự động và các điều kiện và tiêu chuẩn này được tuân thủ nghiêm ngặt

(\*) Trường hợp không ưu tiên cụ thể một công ty nào hơn các công ty khác và trung lập như về số lượng nhân viên, quy mô của công ty…

(ii) Trong trường hợp chính phủ quy định/thay đổi thuế suất có thể áp dụng chung

1. **Trợ cấp bị cấm** **(bị coi là trợ cấp đặc thù) (Điều 3)**

(i) Trợ cấp được chi trả theo kết quả xuất khẩu(hệ thống dự trữ ngoại tệ bao gồm trợ cấp trực tiếp hoặc tiền thưởng xuất khẩu cho các doanh nghiệp/ngành công nghiệp theo kết quả xuất khẩu hoặc các thông lệ tương tự, v.v.)

(ii) Trợ cấp được chi trả theo điều kiện sử dụng hàng hóa nội địa thay vì hàng hóa nhập khẩu

**5. Trợ cấp có thể đối kháng (Điều 5)**

Do các do các khoản trợ cấp cụ thể 1) thiệt hại cho ngành công nghiệp nội địa của các Quốc gia Thành viên khác; 2) vô hiệu hóa hoặc xâm hại lợi ích của một Thành viên theo GATT; hoặc 3) gây ra "thiệt hại nghiêm trọng" cho lợi ích của các Quốc gia Thành viên khác;

**6. Thiệt hại nghiêm trọng (Điều 6)**

(i) Khi 'trợ cấp / giá sản phẩm' vượt quá 5%[[28]](#footnote-28)

(ii) Trợ cấp để bù đắp những tổn thất trong hoạt động của một số ngành hoặc doanh nghiệp nhất định;

Hoặc:

(iii) Miễn giảm nghĩa vụ tài chính trực tiếp

1. **Trợ cấp được phép** **(Điều 8)**

(i) Trợ cấp đáp ứng các yêu cầu sau đối với đối tượng là trợ cấp không đặc thù hoặc ngay cả là trợ cấp đặc thù

(ii) Trợ cấp hỗ trợ nghiên cứu: Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu của các công ty hoặc viện nghiên cứu ký hợp đồng với các công ty (nghiên cứu công nghiệp: tối đa 75% chi phí, các hoạt động phát triển trước cạnh tranh: tối đa 50%)

(iii) Trợ cấp hỗ trợ phát triển khu vực: Hỗ trợ không đặc thù cho các khu vực kém phát triển[[29]](#footnote-29) trong các nước thành viên

(iv) Trợ cấp môi trường: Là một biện pháp không lặp lại để các thiết bị hiện có đã sử dụng trong hơn 2 năm phù hợp với các tiêu chuẩn môi trường mới theo luật, giới hạn ở 20% chi phí thích ứng

(v) Cần thông báo trước cho Ủy ban trợ cấp và các biện pháp đối kháng trước khi thực hiện trợ cấp được phép; Cũng bắt buộc phải thông báo về nội dung khoản trợ cấp hàng năm (tuy nhiên, thực tế chưa có quốc gia nào thông báo)

Tuy nhiên, các quy định về trợ cấp được phép chỉ có hiệu lực trong 5 năm sau khi hiệp định WTO có hiệu lực, và do sự khác biệt về lập trường của các nước thành viên, không thể đạt được thỏa thuận về việc áp dụng gia hạn nên đã hết hiệu lực vào ngày 1/1/2000. Do đó, hiện tại thực hiện điều tra và đánh thuế đối kháng đối với trợ cấp được phép theo từng quốc gia (Điều 31 của Hiệp định)

1. Liên Hợp Quốc ước tính thất thu thuế toàn cầu lên tới 500 - 600 tỷ USD/năm. [↑](#footnote-ref-1)
2. Ví dụ: theo Đạo luật Chip của Hoa Kỳ, Chính phủ sẽ hỗ trợ 25% tổng vốn đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất. Theo đó, vốn đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất sẽ được liệt thành nhiều hạng mục. Đồng thời, việc hỗ trợ sẽ có chu kỳ 10 năm. Trong 10 năm đó mà doanh nghiệp không triển khai hoặc bán các tài sản cố định được hỗ trợ thì sẽ vi phạm và thu hồi hỗ trợ. [↑](#footnote-ref-2)
3. Khoản 1 Điều 18 Luật Đầu tư. [↑](#footnote-ref-3)
4. Quy định về hình thức hỗ trợ đầu tư. [↑](#footnote-ref-4)
5. Nội dung hỗ trợ về chi phí nghiên cứu và phát triển đã được quy định tại Khoản 1 Điều 18 Luật Đầu tư. [↑](#footnote-ref-5)
6. Tùy vào thời gian hoạt động của dự án hoạt động, các dự án này đang hưởng các mức thuế suất ưu đãi khác nhau, tuy nhiên phần nhiều sẽ thấp hơn nhiều so với mức thuế TTTC 15%. Theo đó, khi các quốc gia khác, đặc biệt là các quốc gia của Công ty mẹ của các doanh nghiệp này áp dụng quy tắc Thuế TTTC, các doanh nghiệp này sẽ chịu thiệt hại nặng nề do phần Thuế bổ sung nộp tại quốc gia của công ty mẹ đối với phần chênh lệch giữa mức thuế suất hiệu quả khi đang hưởng ưu đãi tại Việt Nam và thuế suất tối thiểu 15%. [↑](#footnote-ref-6)
7. Mục 3 Phần II Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030. [↑](#footnote-ref-7)
8. Trụ cột 2 không quy định các nước phải nâng mức thuế TNDN lên 15% mà chỉ đưa ra cơ chế để thu thuế trong trường hợp các tập đoàn đa quốc gia có công ty con nộp thuế dưới mức 15% tại một quốc gia này sẽ bị đánh thuế bổ sung lên mức 15% ở quốc gia có công ty mẹ để đảm bảo đạt mức thuế suất tối thiểu toàn cầu. [↑](#footnote-ref-8)
9. Ví dụ như trong trường hợp Amazon, có vốn hóa thị trường hơn 1.000 tỷ USD, doanh thu ròng năm 2020 đạt hơn 380 tỷ USD nhưng tỷ suất lợi nhuận chỉ đạt 6,3%. Mặc dù vậy, mảng kinh doanh dịch vụ điện toán đám mây của công ty này với doanh thu 45 tỷ USD trong năm 2020 vẫn đạt tỷ suất lợi nhuận trên 30%. [↑](#footnote-ref-9)
10. Mục 3 Phần II Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030. [↑](#footnote-ref-10)
11. (i) Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030; (ii) Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 02/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021-2030. [↑](#footnote-ref-11)
12. Điều 15 Luật Đầu tư 2020. [↑](#footnote-ref-12)
13. Khoản 1 Điều 13 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 (sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế năm 2014) [↑](#footnote-ref-13)
14. Điều 20 Luật Đầu tư 2020. [↑](#footnote-ref-14)
15. Điểm a Khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư [↑](#footnote-ref-15)
16. Khoản 5 Điều 13 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 (sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế năm 2014) quy định việc kéo dài thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi với các dự án có mức doanh thu trên 20.000 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-16)
17. Các khoản chi phí đầu tư mang lợi ích kinh tế thực chất có thể bao gồm chi phí đầu tư vào các tài sản hữu hình như nhà xưởng, máy móc thiết bị, chi phí nhân công. Bản thân OECD trong quy định Trụ cột 2 cũng đưa ra khái niệm về khoản khấu trừ thu nhập theo hoạt động kinh tế thực chất (“SBIE” – Substance based income exclusion) được trừ ra khỏi thu nhập khi tính toán thuế nộp bổ sung. Như vậy, trường hợp Việt Nam có cơ chế ưu đãi chi phí đối với chi phí sản xuất, chi phí đầu tư tài sản hữu hình và chi phí phát triển nguồn nhân lực thì cũng sẽ phù hợp với tinh thần của OECD trong việc khuyến khích đầu tư thực chất nêu trên. Bên cạnh đó, việc khuyến khích chi phí nghiên cứu và phát triển cũng phù hợp với định hướng phát triển của quốc gia. [↑](#footnote-ref-17)
18. Các quốc gia đang phát triển có tiền lệ ưu đãi theo chi phí có thể kể đến Ấn Độ, Trung Quốc, Thái Lan, bao gồm cơ chế về hỗ trợ chi phí đầu tư vào nhà xưởng, máy móc, thiết bị, công nghệ và nghiên cứu phát triển, trong đó nổi bật là bộ 3 chính sách khuyến khích sản xuất điện tử của Ấn Độ, chính sách RIC hỗ trợ đầu tư trên chi phí của Singapore, và chính sách theo Đạo Luật Tăng cường cạnh tranh của Thái Lan nhằm khuyến khích nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ. Các quốc gia phát triển cũng rất phổ biến hình thức đầu tư theo chi phí đối với nghiên cứu phát triển (như Vương quốc Anh, Ireland, Ba Lan, Pháp, v.v…), ưu đãi chi phí hoạt động, ưu đãi chi phí vốn (Ba Lan, Hungary, Singapore, v.v…). Như vậy 05 khoản chi phí được đưa ra là hoàn toàn phù hợp và có tiền lệ áp dụng tại các quốc gia trên thế giới. [↑](#footnote-ref-18)
19. 05 khoản chi phí được đưa ra có tính chọn lọc, sát với thực tế, dễ xác định và kiểm soát khi thực thi, theo đó giúp kiểm soát bội chi ngân sách [↑](#footnote-ref-19)
20. Theo dự thảo Nghị quyết Về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu: Thời hạn nộp Tờ khai thông tin theo quy định GloBE và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn chậm nhất là 12 tháng sau ngày kết thúc năm tài chính (dự kiến tháng 12/2025) [↑](#footnote-ref-20)
21. Điểm 123 trang 213 của Commentary: *The word “benefits” is comprehensive enough to cover any kind of advantage provided by a jurisdiction, including tax incentives, grants, and subsidies and the phrase “related to such rules” is intentionally drafted with broad language to take into account different mechanisms through which the benefit is provided.* [↑](#footnote-ref-21)
22. *In this context, the term “jurisdiction” is not restricted to the national or central government of the jurisdiction. It includes any political subdivision, local authority, or any other public entity or arrangement. For example, if a public development bank provides a particular benefit that is related to the application of the IIR, then such rule is not a Qualified IIR.* [↑](#footnote-ref-22)
23. Nội dung này quy định rải rác trong định nghĩa Thuế tối thiểu nội địa đạt chuẩn (Qualified Domestic Minimum Top-up Tax), Quy tắc gộp thu nhập chịu thuế đạt chuẩn (Qualified IIR), Quy tắc nộp thuế thặng dư (Qualified UTPR) tại trang 64, 65 của Quy tắc mẫu (OECD Model Rule). [↑](#footnote-ref-23)
24. Ví dụ tại Điểm 141 trang 216 của Commentary khi diễn giải về UTPR đạt chuẩn có nêu “The definition **prohibits** a jurisdiction from providing benefits that are related to the IIR or the UTPR that it has implemented. See discussion on this in the Commentary to the definition of a Qualified IIR. – Định nghĩa này cấm các khu vực pháp lý cung cấp các lợi ích có liên quân đến việc thực hiện quy tắc IIR hoặc UTPR [↑](#footnote-ref-24)
25. 116. Qualified Domestic Minimum Top-up Tax means a tax that applies to Excess Profits of the domestic Constituent Entities and operates to increase domestic tax liability with respect to those profits to the Minimum Rate. The tax must be implemented and administered in a way that is consistent with the outcomes provided for under the GloBE Rules and their Commentary, including the prohibition against the implementing jurisdiction providing any collateral or other benefits that are related to such domestic tax as discussed further in the Commentary to the definition of a Qualified IIR. This limitation on collateral benefits is not intended to restrict the ability of a jurisdiction to make changes to the design of its corporate tax system in light of the new international tax architecture under the GloBE Rules. Such changes to the domestic corporate tax rules consequent on the introduction of a domestic minimum tax should not be considered a benefit provided that they do not result in MNE Groups achieving overall tax outcomes that are inconsistent with the outcomes provided for under the GloBE Rules and their Commentary. [↑](#footnote-ref-25)
26. A tax benefit or grant provided to all taxpayers is not related to the GloBE Rules. Facts that are relevant but not decisive include whether the tax benefit or grant benefits only taxpayers subject to the GloBE Rules, whether the benefit is marketed as part of the GloBE Rules and if the regime was introduced after the OECD/G20 Inclusive Framework started discussing the GloBE Rules. [↑](#footnote-ref-26)
27. OECD/G20 Inclusive Framework lập cách tiếp cận 2 trụ cột vào tháng 1/2019 [↑](#footnote-ref-27)
28. (\*) Về 'thiệt hại nghiêm trọng' hoặc 'trợ cấp được phép', có cách hiểu khác nhau giữa các quốc gia. Theo quy định ‘de minimis’ (tỷ lệ không đáng kể) ở Mỹ và EU, các khoản trợ cấp trong vòng 1% giá hàng hóa (trong vòng 2% so với giá đóng cửa ở các nước đang phát triển) không bị coi là thiệt hại nghiêm trọng. [↑](#footnote-ref-28)
29. Khu vực có mức thu nhập từ 85% trở xuống so với mức trung bình của cả nước hoặc tỷ lệ thất nghiệp cao hơn mức trung bình của cả nước từ 10% trở lên [↑](#footnote-ref-29)